BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Diệu Linh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Diệu Linh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Diệu Linh Mã SV:1312401155
Lớp: QT1703K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Minh Thịnh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 7
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP..... 3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 3
1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu và nguyên tắc kế toán doanh thu..... 4
1.3 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 5
1.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ 6
1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 6
1.4.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 9
1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán 10
1.4.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp 13
1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính..... 16
1.6 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác..... 19
1.7 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp 22
1.8 Đặc điểm kế toán doanh thu - chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán 24
1.8.1 Hình thức kế toán nhật ký chung : 24
1.8.2 Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái..... 25
1.8.3 Hình thức kế toán nhật ký chứng từ :..... 26
1.8.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ :..... 27
1.8.5 Hình thức kế toán máy : 28
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANHTHU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH..... 29
2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 29
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh..... 29

2.1.2 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 30
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 30
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 35
2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 35
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 66
2.2.3 Kế toán doanh thu và chi phí khác của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 70
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH .. 82
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 82
3.1.1 Ưu điểm 82
3.1.2 Hạn chế 83
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và kết quả kinh doanh 83
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh 83
3.4 Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh 84
3.4.1 Kiến nghị 1 : Mở sổ chi tiết doanh thu , chi phí 84
3.4.2 Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin kế toán máy theo hình thức nhật ký chung 89
3.4.3 Kiến nghị 3 : Trích các khoản theo lương cho người lao động căn cứ trích dựa theo lương đã ký trên hợp đồng. 93

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 94
3.5.1 Về phía Nhà nước..... 94
3.5.2 Về doanh nghiệp..... 94
KẾT LUẬN 95
TÀI LIỆU THAM KHẢO 96

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 8
Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 10
Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên..... 12
Sơ đồ 1.4. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ 13
Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán trình tự chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp ... 15
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính..... 17
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính..... 18
Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác 20
Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác 21
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 23
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung 24
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán nhật ký sổ cái 25
Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ 26
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ 27
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy 28
Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty TNHH..... 30
Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 30
Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định 34
kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty 34
TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 34

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh 29
Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0000143 36
Biểu số 2.2.Phiếu thu số 12-045 37
Biểu 2.3 : Hóa đơn GTGT số 0000150 39
Biểu số 2.4 Giấy báo có của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam 40
Biểu số 2.5 : Hóa đơn GTGT số HD0000154 41
Biểu số 2.6 Trích sổ nhật ký chung 42
Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 511 43
Biểu số 2.8 Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa) 45
Biểu số 2.9 Phiếu xuất kho số 12-010 46
Biểu số 2.10. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa) 48
Biểu số 2.11 Phiếu xuất kho số 12-023 49

Biểu số 2.12. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa) 51
Biểu số 2.13 Phiếu xuất kho số 12-027 52
Biểu 2.14 Trích sổ nhật ký chung 53
Biểu 2.15. Trích sổ cái TK 632 54
Biểu số 2.16. Hóa đơn GTGT số HD728 56
Biểu số 2.17. Phiếu chi số 12-45 57
Biểu số 2.18. Hóa đơn GTGT số 0001831 59
Biểu 2.19. Phiếu chi số 12-50 60
Biểu 2.20. Bảng phân bổ tiền lương và BHXH 61
Biểu 2.21. Bảng tính và phân bổ khấu hao 62
Biểu 2.22. Trích sổ nhật ký chung 63
Biểu số 2.23 Trích sổ cái TK 641 64
Biểu 2.24 Trích sổ cái TK 642 65
Biểu số 2.25 : Giấy báo Có của ngân hàng BIDV 67
Biểu số 2.26 Trích sổ nhật ký chung 68
Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 515 69
Biểu số 2.28 Phiếu kế toán số 32 71
Biểu số 2.29 Phiếu kế toán số 33 72
Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 34 73
Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 35 74

Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 36 75
Biểu số 2.33. Trích sổ nhật ký chung..... 76
Biểu số 2.34. Trích sổ cái TK 911 77
Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK 821 78
Biểu số 2.36 Trích sổ cái TK 421 79
Biểu số 2.37 Trích bảng cân đối số phát sinh 80
Biểu số 2.38. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh 81
Biểu số 3.1 Sổ chi tiết bán hàng..... 85
Biểu số 3.2 : Số chi phí sản xuất kinh doanh 86
Biểu số 3.3 Sổ chi tiết bán hàng..... 87
Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 88

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Cụm từ đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
2	Đơn vị tính	ĐVT
3	Tài sản cố định	TSCĐ
4	Giá trị gia tăng	GTGT
5	Tiêu thụ đặc biệt	TTĐB
6	Tài khoản	TK
7	Bán hàng	BH
8	Cung cấp dịch vụ	CCDV
9	Phương pháp	PP
10	Giá vốn hàng bán	GVHB
11	Thành phẩm	TP
12	Số hiệu tài khoản đối ứng	SHTKĐƯ
13	Bảo hiểm xã hội	BHXH
14	Bảo hiểm y tế	BHYT
15	Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
16	Kinh phí công đoàn	KPCĐ
17	Ngày tháng ghi sổ	NTGS
18	Giấy báo cáo	GBC
19	Số thứ tự	STT
20	Số hiệu	SH
21	Ngày tháng	NT

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế hiện nay để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiểu tổng hợp lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Nhờ vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại ***Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh***, được sự giúp đỡ của ban giám đốc, các cán bộ phòng Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn TH.S.Nguyễn Đức Kiên, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh".***

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

-Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại ***Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh***.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán Doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của ***Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh.***

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

- Đối tượng nghiên cứu : Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phạm vi nghiên cứu : tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. Nội dung khóa luận

Nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh.

CHƯƠNG 1:
LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Nội dung của các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Bán hàng : là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.
- Sản phẩm sản xuất : là sản phẩm tự làm ra để sử dụng hay để trao đổi trong thương mại.
- Sản phẩm tiêu thụ : là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hóa là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất,phân phối và một bên là tiêu dùng.
- Doanh thu : là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ : là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ trong kỳ báo cáo làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Thời điểm ghi nhận doanh thu : doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch

Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp :

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh : là hoạt động sản xuất tiêu thụ hàng hóa và sản xuất sản phẩm.
- Hoạt động tài chính : là hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

- Hoạt động khác : là hoạt động xảy ra với ngoài dự kiến của doanh nghiệp

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp : là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt dộng tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh

1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu và nguyên tắc kế toán doanh thu

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng :

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiềm quyển soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ :

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận đồng thời thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán .
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch
- Doanh thu từ tiền lãi tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Doanh thu từ tiền lãi tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia khi đồng thời thỏa mãn cả 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu
- Đối với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)
- Đối với sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ , doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán
- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Những doanh nghiệp chỉ nhận gia công hàng hóa , vật tư thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần tính lãi trên khoản phải trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận tiền trước cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số ký nhận trước tiền.

1.3 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu : Phản ánh ghi chép đầy đủ sự biến động của các loại hàng hóa , dịch vụ bán ra đồng thời tính toán hạch toán chính xác từng loại doanh thu .

Nhiệm vụ kế toán chi phí : Ghi chép phản ánh chi tiết, kịp thời chính xác các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh : Tính toán kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn đồng thời theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của doanh nghiệp.

1.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong doanh nghiệp

- Phương thức bán hàng trực tiếp :

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho tại các phân xưởng sản xuât không qua kho của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán :

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp . Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng (một phần hoặc toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này được coi là tiêu thụ.

- Phương thức đổi hàng :

Là phương thức sản xuất sản phẩm hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương pháp bên chủ hàng xuất hàng giao cho bên nhận đại lý , ký gửi để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán ngay tại thời điểm mua 1 phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu 1 tỷ lệ lãi suất nhất định.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ :

Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa , lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp… Ngoài ra được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất biếu, tặng, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

➢ Tài khoản 511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: DT bán hàng : được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh vật tư,
- Tài khoản 5112 : DT bán các thành phẩm : được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như : công nghiệp, lâm nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp.
- Tài khoản 5113: DT cung cấp dịch vụ : được sử dụng cho các ngành giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, khoa học kỹ thuật…
- Tài khoản 5114: DT trợ cấp, trợ giá, được dung để phản ánh các doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước .
- Tài khoản 5117: DT kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 : doanh thu khác

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ 1.1 sau:

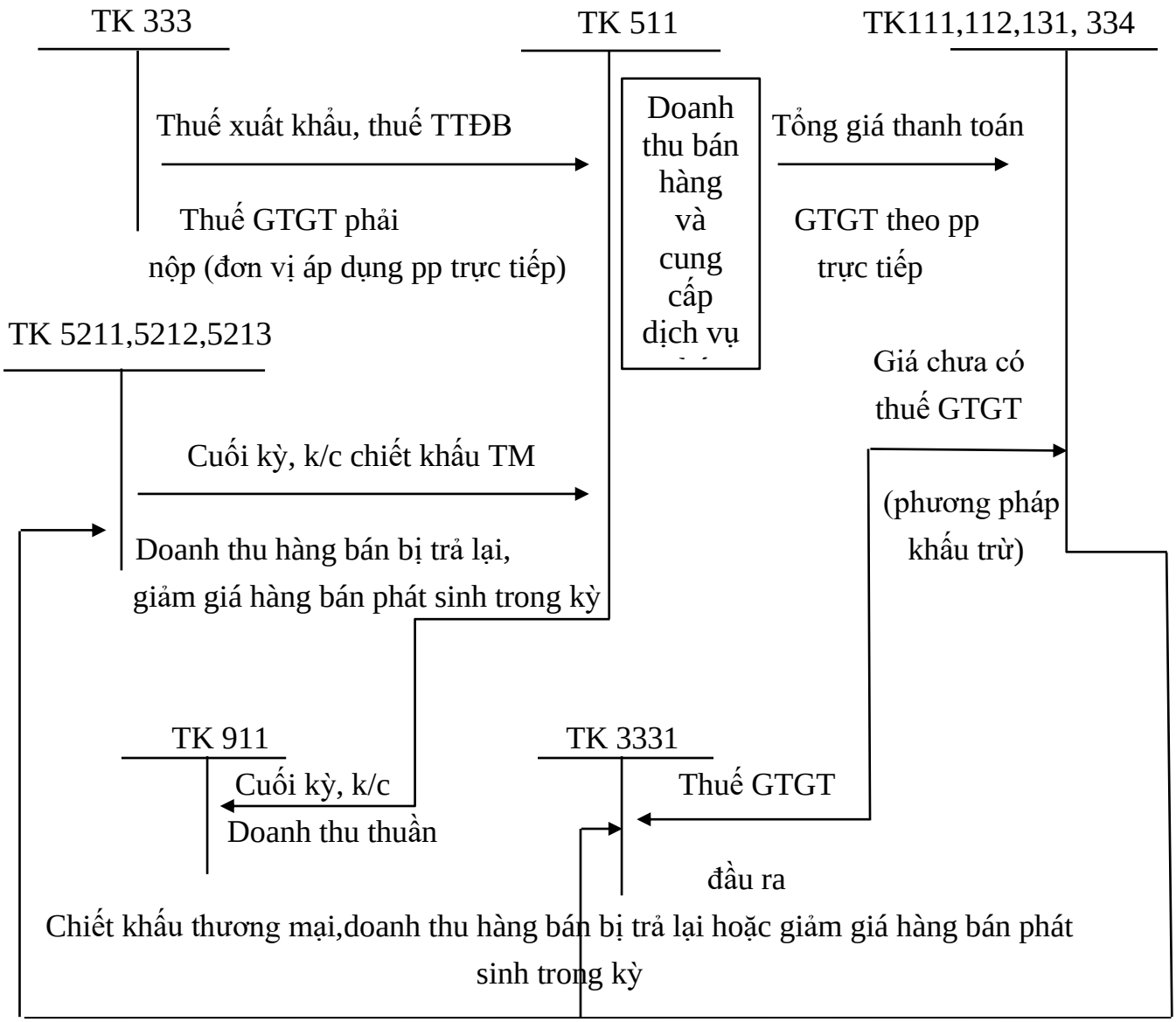

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➢ *TK 5211: Chiết khấu thương mại*

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua. Khách hàng sẽ được hưởng khoản chiết khấu thương mại khi họ đã mua hàng hoá, sản phẩm hoặc dịch vụ với số lượng lớn hoặc theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại đã được ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

➢ *TK 5212: Hàng bán bị trả lại*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại trong kỳ. Đơn giá của hàng bán bị trả lại được tính đúng bằng đơn giá ghi trên hóa đươn bán hàng. Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại sẽ được tính vào TK 641 - "Chi phí bán hàng".

➢ *TK 5213: Giảm giá hàng bán*

Tài khoản 5213 dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ. Tài khoản này chỉ được dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng hóa kém phẩm chất...

Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.2 dưới đây:

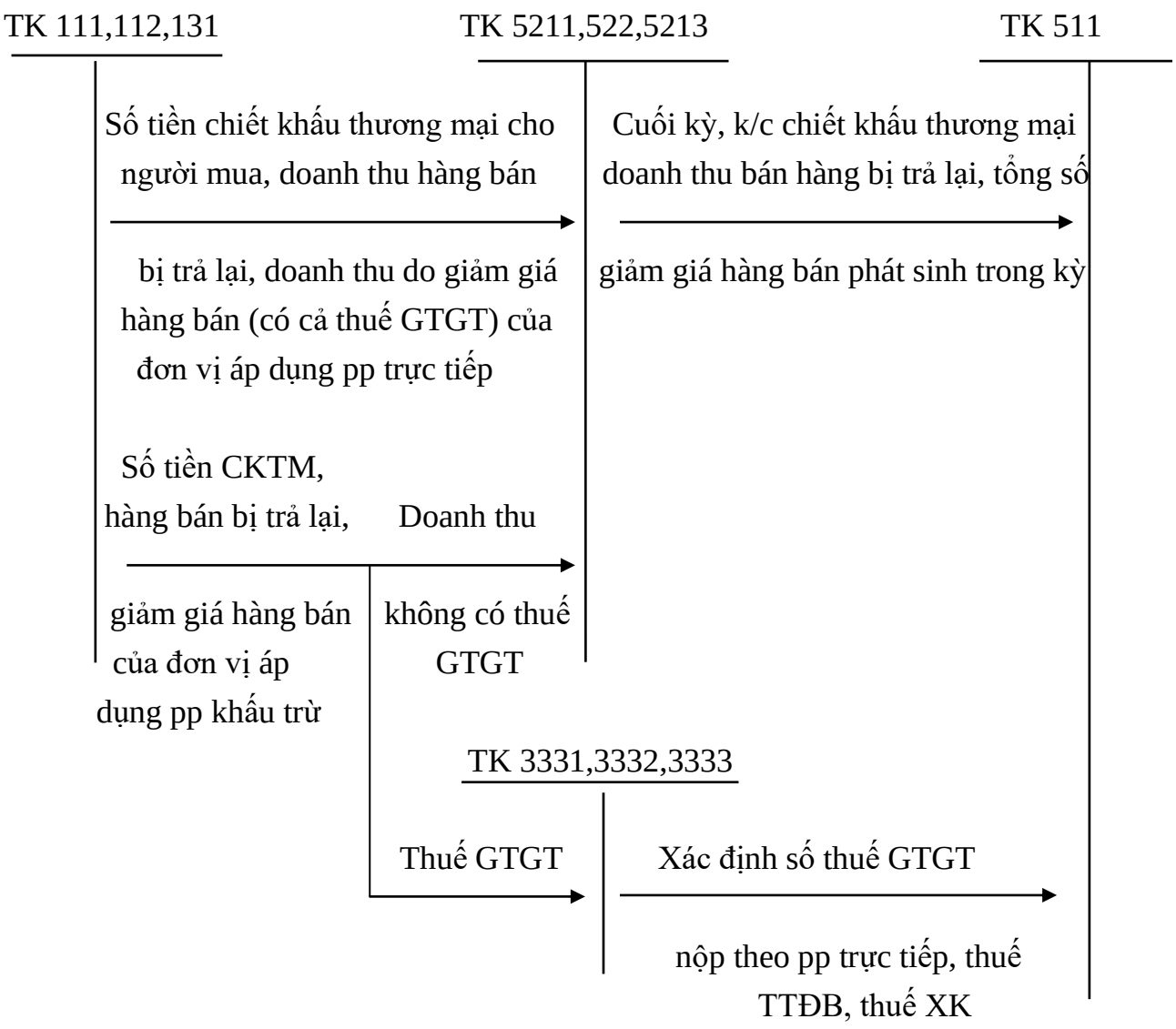

Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Chứng từ sử dụng giá vốn hàng bán

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng giá vốn hàng bán

➢ Sử dụng TK 632 - "Giá vốn hàng bán" để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất, chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư trong kỳ.

Có bốn phương pháp để tính giá vốn hàng xuất kho:

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân:

Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho = *Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho* * *Đơn giá bình quân*

+ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\textit{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\textit{Trị giá thực tế sản phẩm hàng hóa tồn đầu kỳ} + \textit{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\textit{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \textit{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\textit{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ i} = \frac{\textit{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i}}{\textit{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i}}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm , hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần nhập.

✓ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn tại cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

✓ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, giá trị vốn hàng hóa xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

✓ *Phương pháp giá bán lẻ*

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương thức tính giá gốc khác . Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khá quát bằng sơ đồ 1.3 và 1.4 dưới đây:

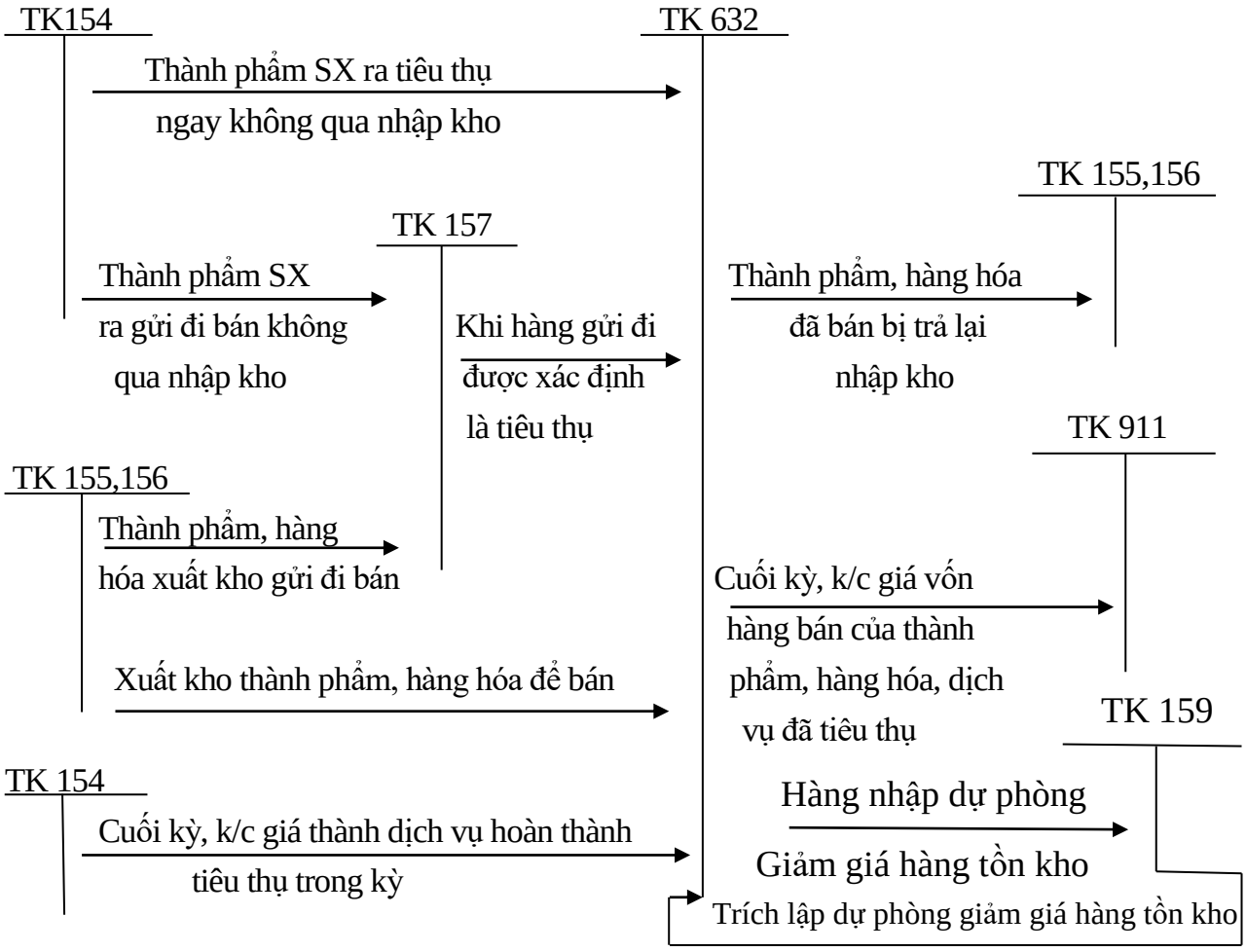

Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

-Đối với Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương thức kiểm kê định kỳ

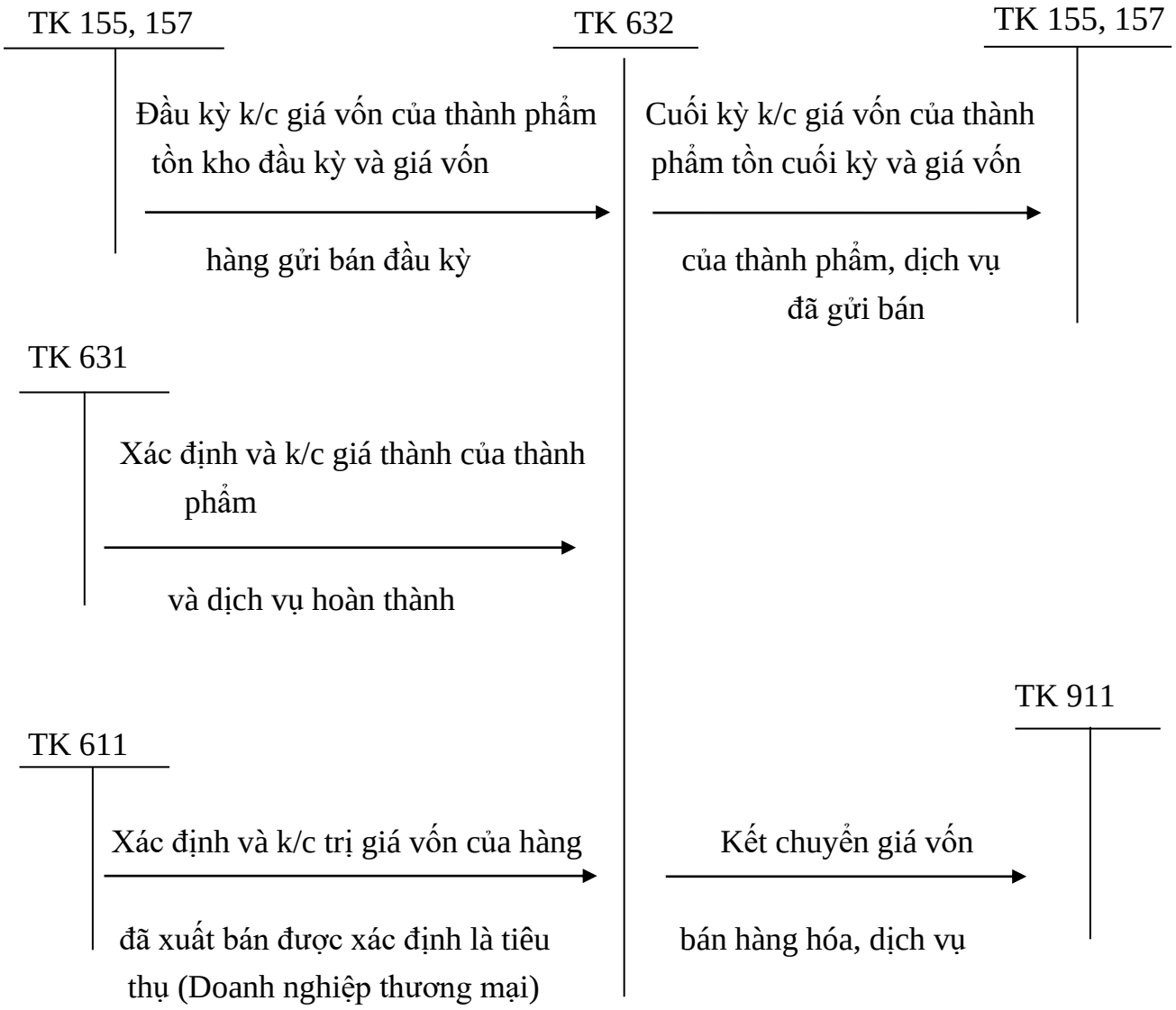

Sơ đồ 1.4. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

* Chứng từ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+Bảng phân bổ nguyên vật liệu

+ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

+ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

+Các chứng từ khác có liên quan…

- Tài khoản sử dụng

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ bao gồm ; chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo , đóng gói, vận chuyển, giao hàng, bảo hành, hoa hồng, bán hàng..

- Kế toán sử dụng tài khoản 641- Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên

+ Tài khoản 6412 : Chi phí vật liệu bao bì

+ Tài khoản 6413 : Chi phí dụng cụ đồ dung

+ Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

+ Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành

+ Tài khoản 6417 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Tài khoản 6418 : Chi phí bằng tiền khác

1.4.4.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng :

+ Hóa đơn GTGT

+Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

+ Bảng khấu hao TSCĐ

+Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội..

+ Các chứng từ gốc có liên quan…

- Tài khoản sử dụng :

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp bao gồm : chi phí hành chính, tổ chức văn phòng, các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Kế toán sử dụng tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2 :

+Tài khoản 6421 : Chi phí nhân viên quản lý

+ Tài khoản 6422 : Chi phí vật liệu quản lý

+ Tài khoản 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng

+ Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ Tài khoản 6425 : Thuế, phí và lệ phí

+ Tài khoản 6426 : Chi phí dự phòng

+ Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Tài khoản 6428 : Chi phí bằng tiền khác

- Kết cấu TK 641, 642

Bên nợ : Chi phí bán hàng , quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Bên có : - Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp trong kỳ

- Kết chuyển chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911

- Phương pháp hạch toán

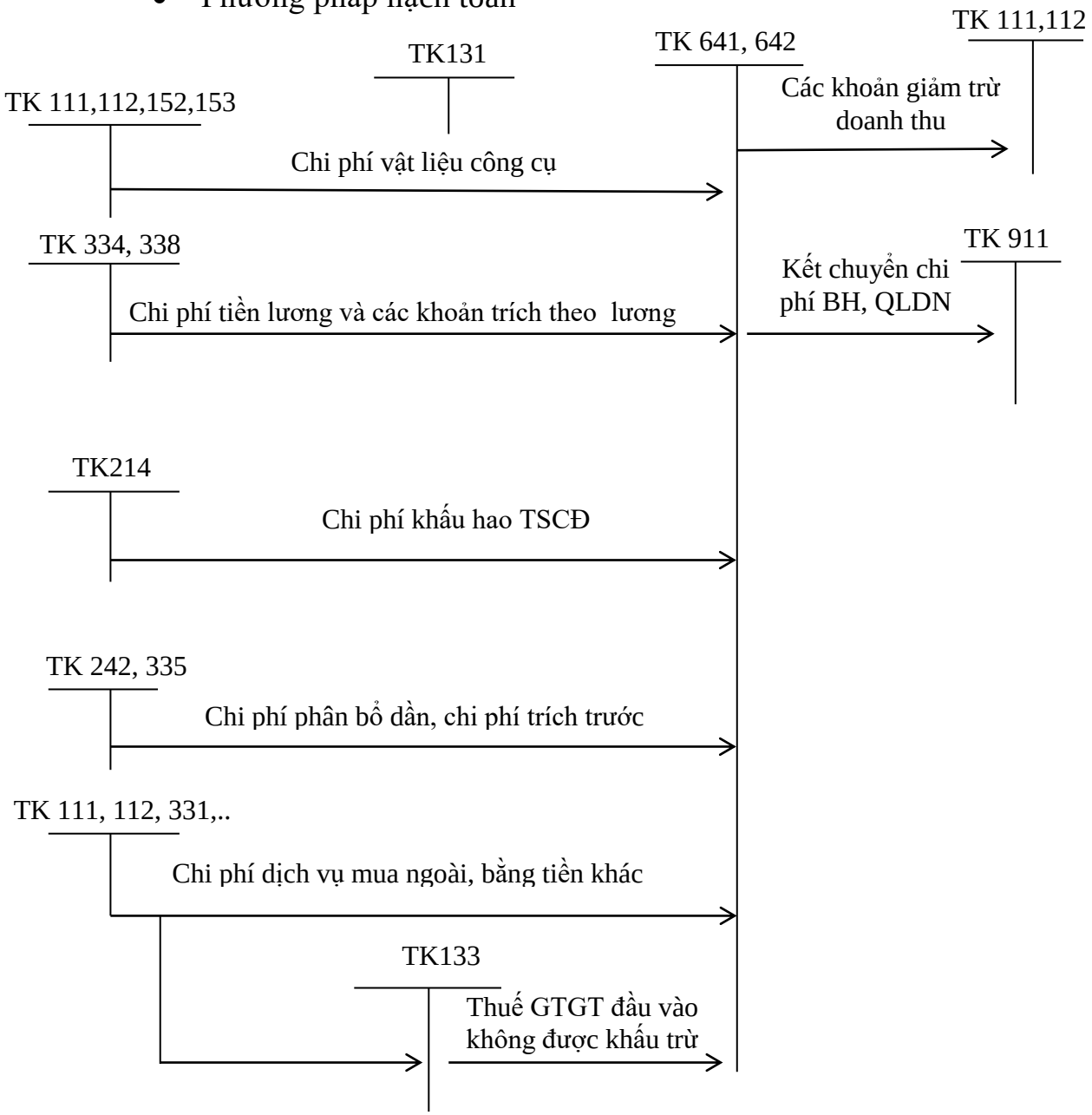

Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán trình tự chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng :

Phiếu thu, phiếu chi

Giấy báo nợ, giấy báo có

Các chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng :

➢ Tài khoản 515 : DT hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận để chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

-Doanh thu hoạt động tài chính gồm : Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn, dài hạn, thu nhập về các khoản đầu tư khác…

Kết cấu tài khoản 515

Nợ : Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911

Bên có : Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Phương pháp hách toán doanh thu hoạt động tài chính :

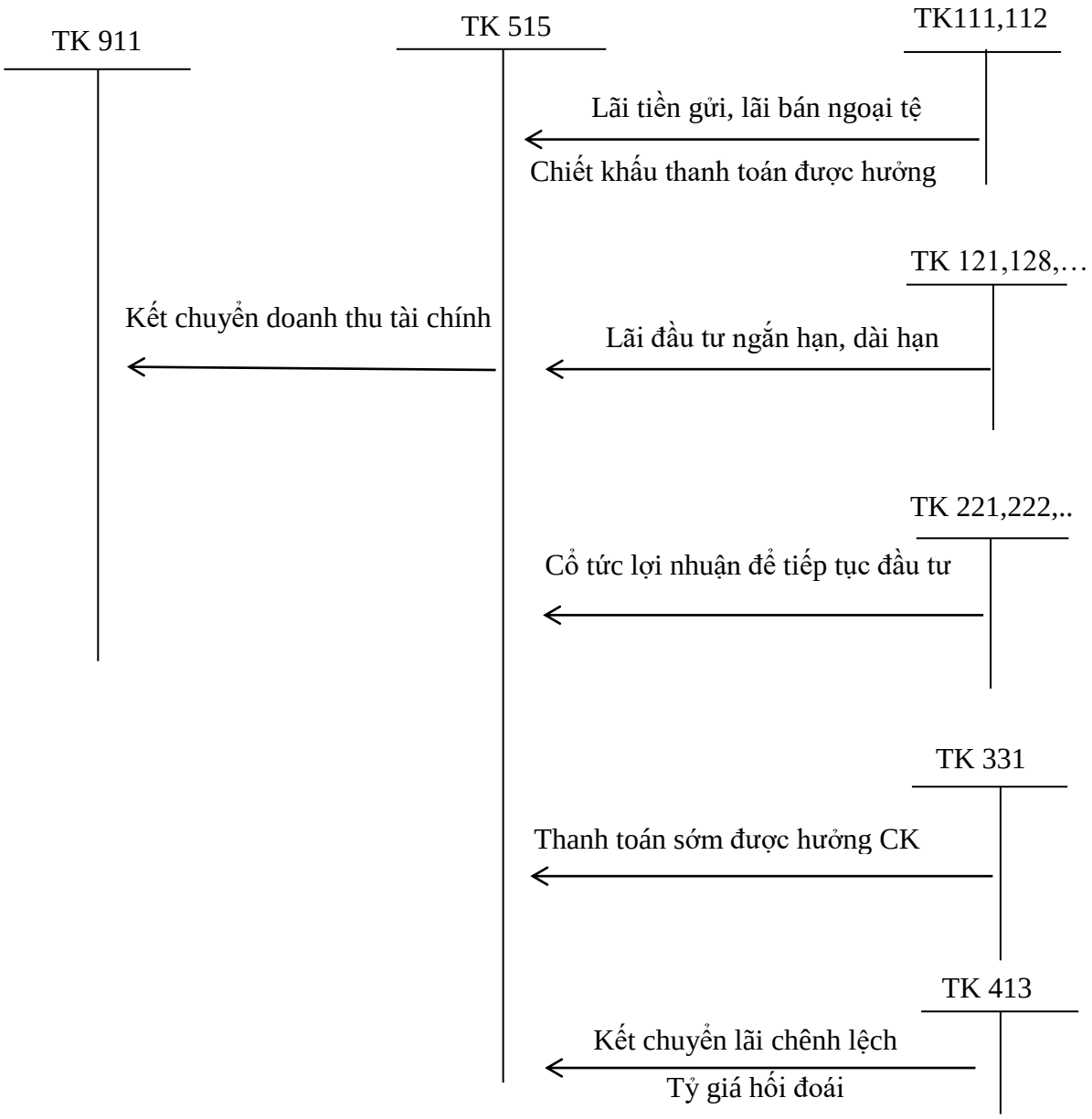

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 : Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí đầu tư tài chính bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp .

Kết cấu tài khoản 635 :

Bên nợ : Các khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Bên có: - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

- Kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911

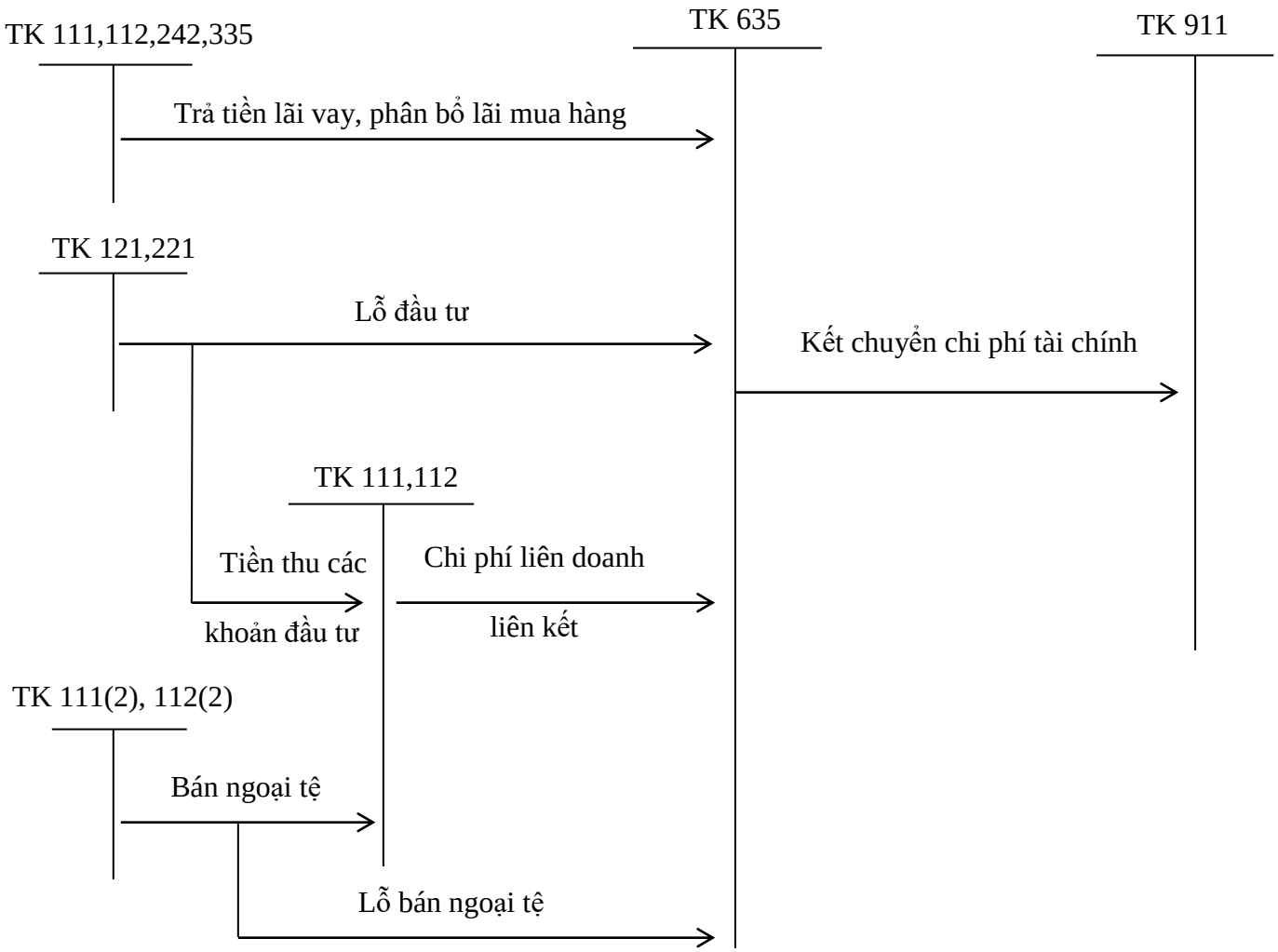

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.6 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

- ***Chứng từ và tài khoản sử dụng***

+ Phiếu thu, phiếu chi

+ Biên bản bàn giao thanh lý, mhượng bán tài sản cố định

+ Các chứng từ có liên quan

-Tài khoản sử dụng

+ Tài khoản 711 : Thu nhập khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp : thu nhập từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng , thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, các thu nhập khác…

Kết cấu TK 711:

Bên nợ : Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911

Bên có : Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

+ Tài khoản 811 : Chi phí khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên , riêng biệt với hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chí phí khác phát sinh gồm : chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế , bị phạt thúê…

Kết cấu tài khoản 811

Bên nợ : Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có : Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911

- *Phương pháp hạch toán thu nhập hoạt động khác*

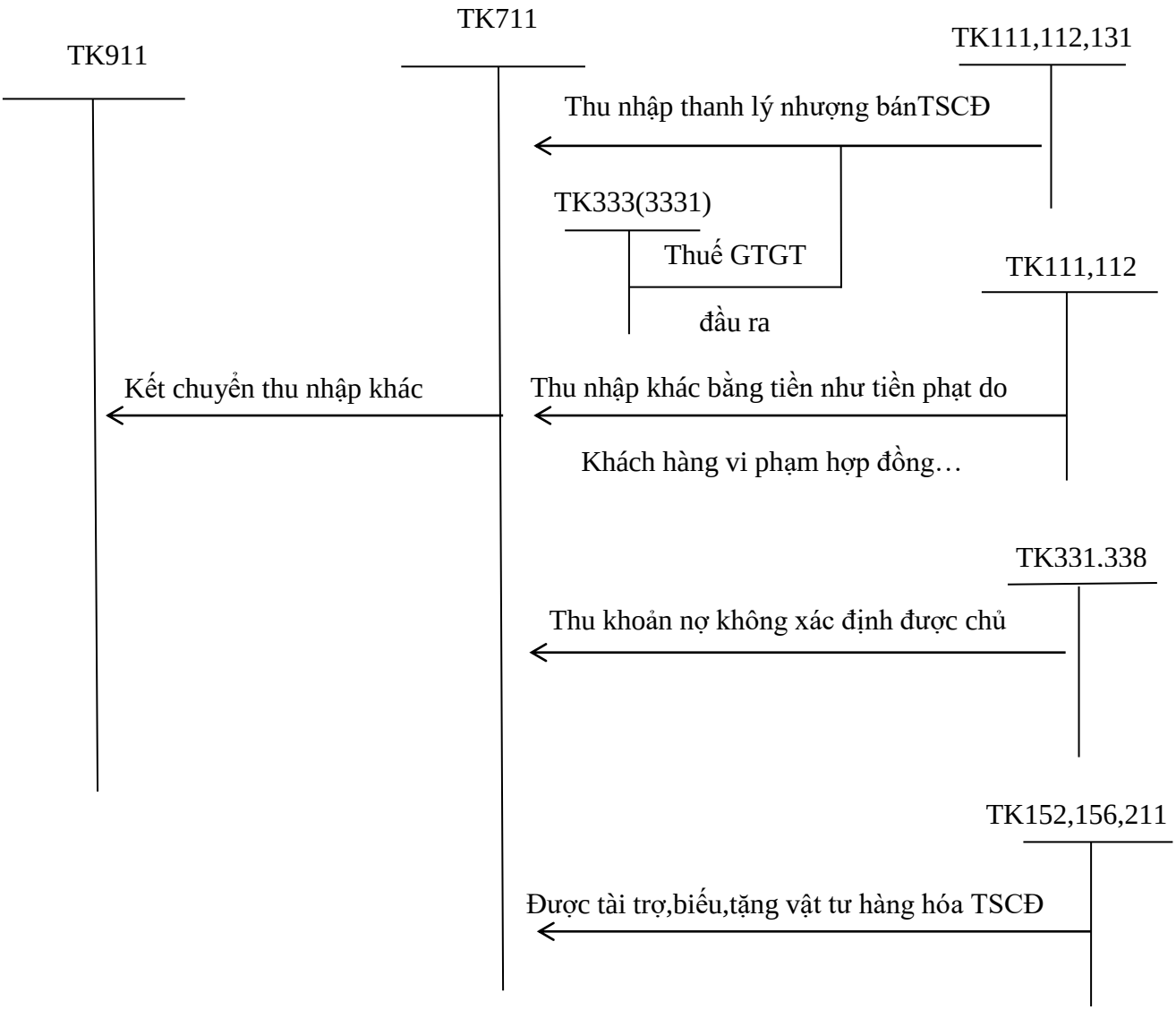

Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác

- *Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác*

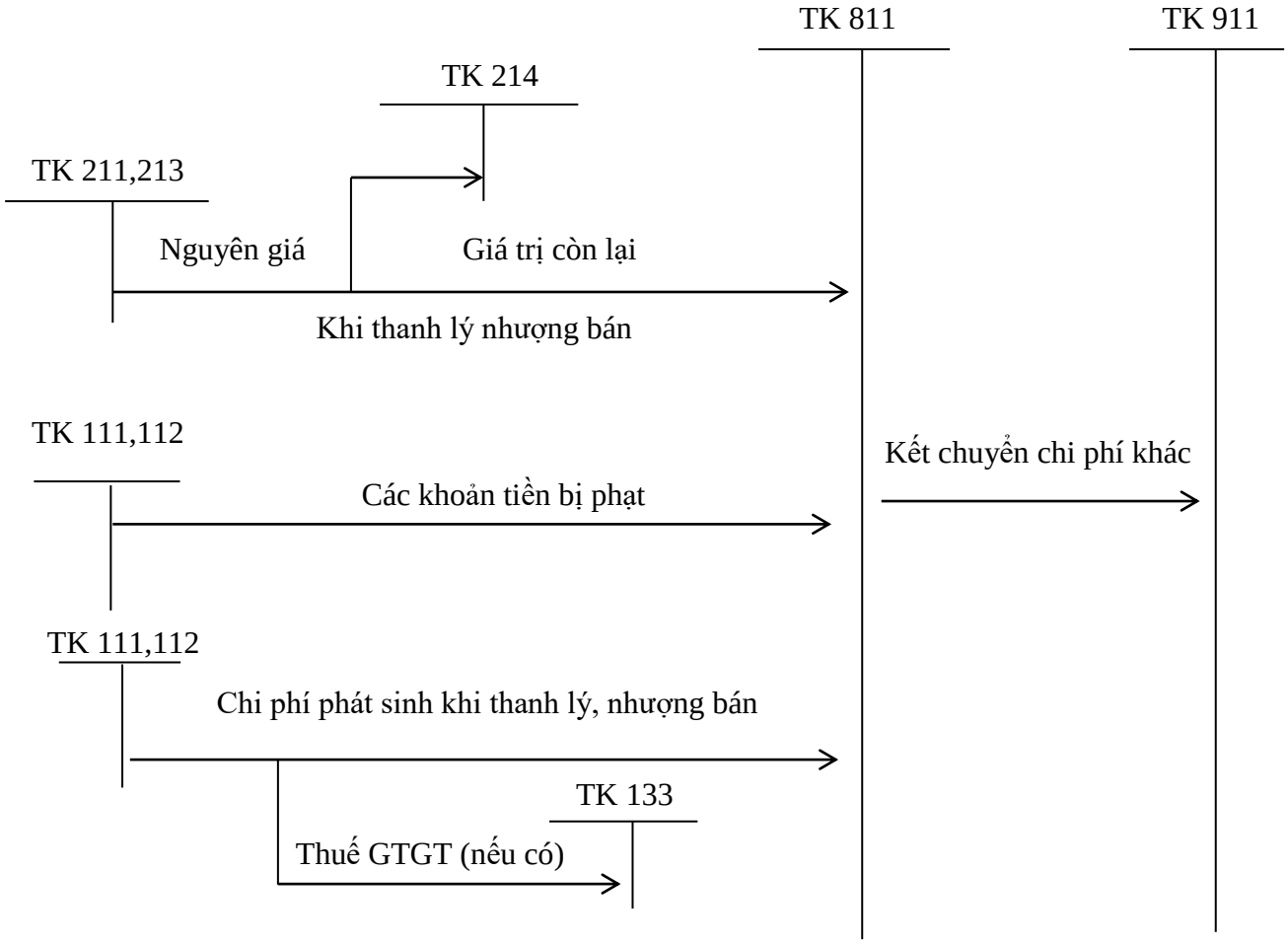

Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.7 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chứng từ và tài khoản sử dụng

- *Chứng từ sử dụng*

+ Phiếu kế toán

+Các chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng :

+ Tài khoản 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

+ Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

+ Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập của doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp . Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc Có :

Số dư bên Nợ : Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Số dư bên Có : Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

+ TK 421 có 2 tài khoản cấp 2 :

TK 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

- *Phương pháp hạch toán*

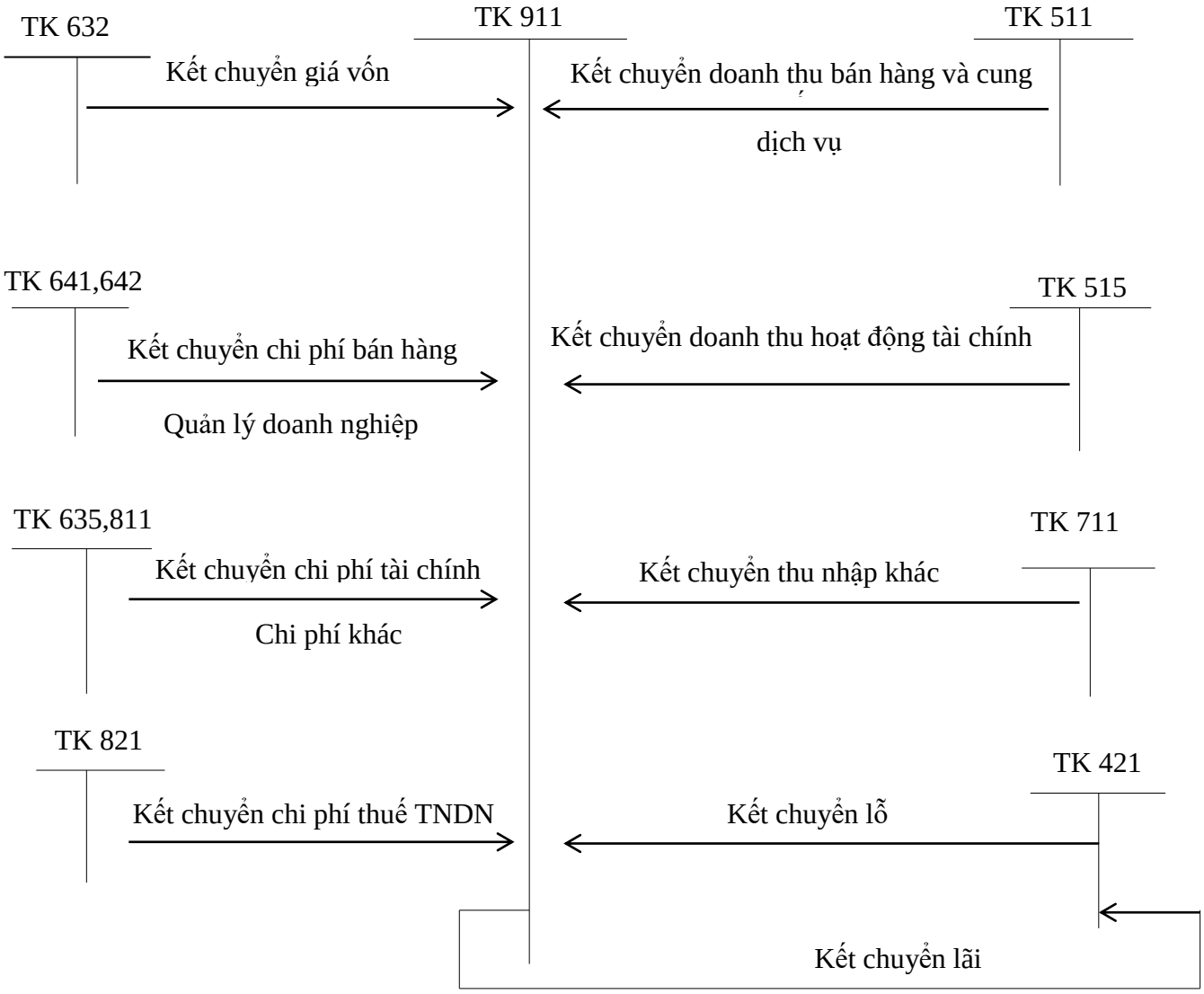

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.8 Đặc điểm kế toán doanh thu - chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Doanh nghiệp áp dụng một trong 5 hình thức kế toán như sau :

1.8.1 Hình thức kế toán nhật ký chung :

▪ **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các tài khoản vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

▪ **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện phân công công việc.

▪ **Nhược điểm:** Số lượng sổ sử dụng nhiều, công việc đối chiếu dồn vào cuối tháng.

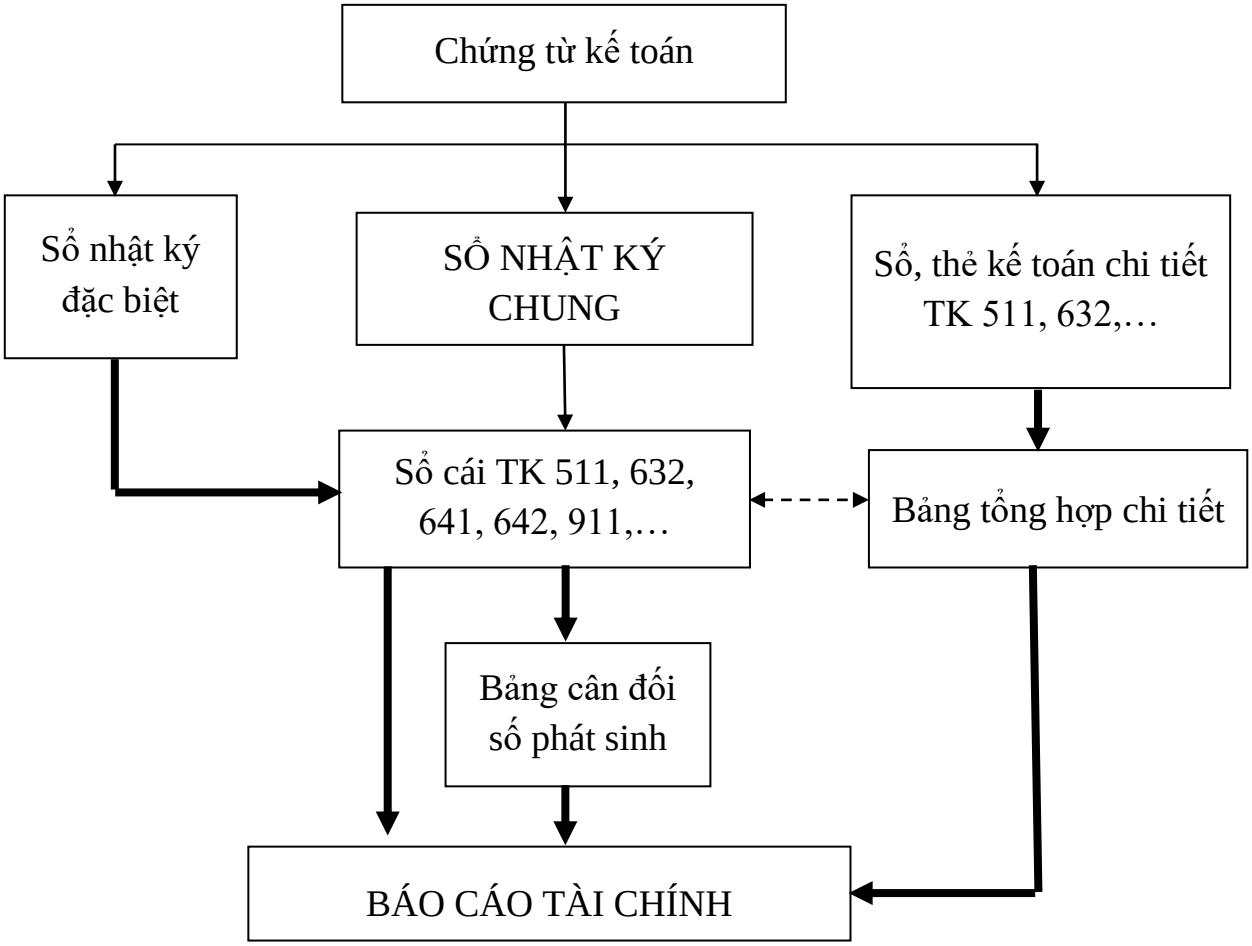

Ghi chú : → Ghi hàng ngày

⟹ Ghi hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ

↔ Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung

1.8.2 Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

▪ ***Đặc điểm:*** Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

▪ ***Ưu điểm:*** Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.

▪ ***Nhược điểm:*** Khó phân công công việc.

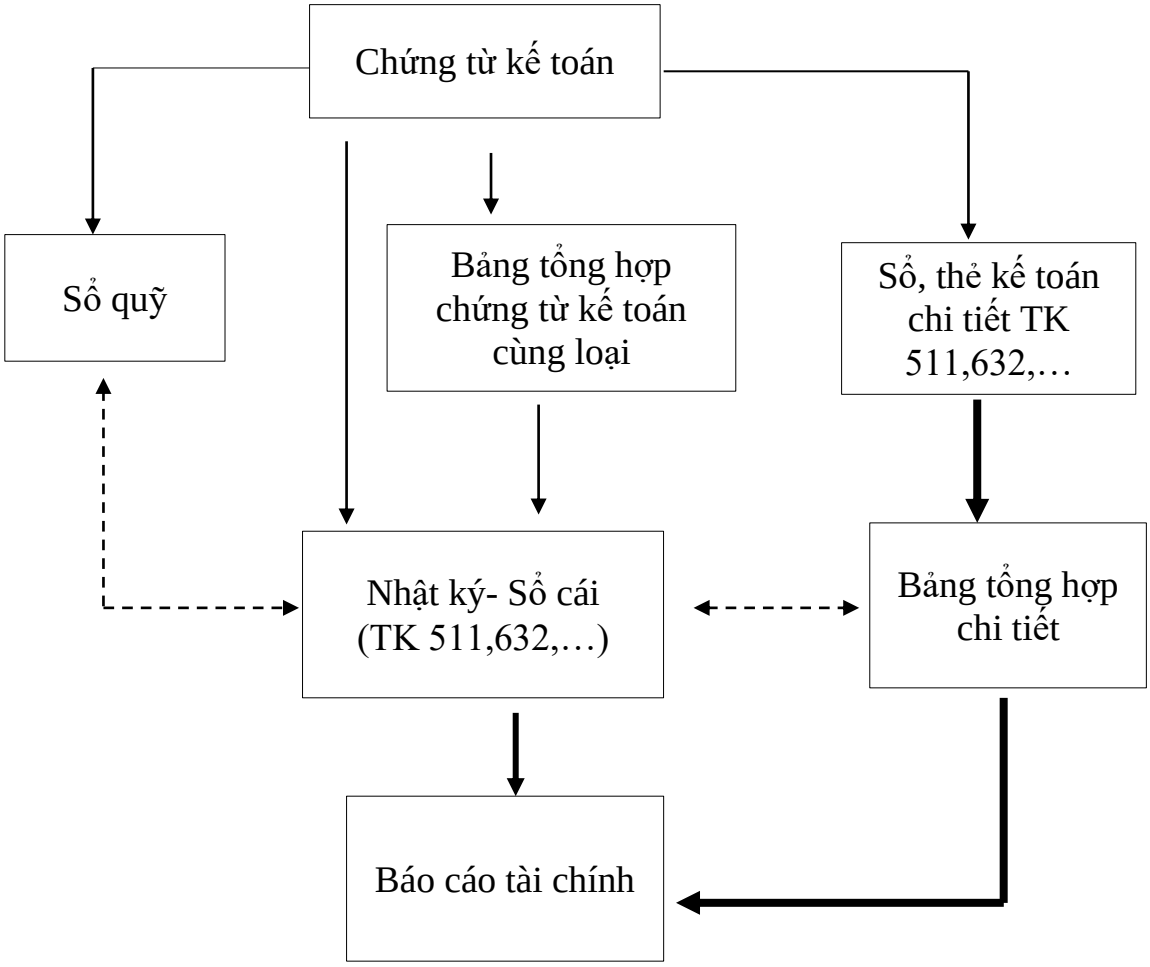

Ghi chú : ⟶ Ghi hàng ngày

⟶ Ghi hàng tuần , hàng tháng hoặc định kỳ

⟷ Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán nhật ký sổ cái

1.8.3 Hình thức kế toán nhật ký chứng từ :

▪ ***Đặc điểm:*** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký chứng từ. Cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

▪ ***Ưu điểm:*** Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ sách theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

▪ ***Nhược điểm:*** Mẫu sổ phức tạp, đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng.

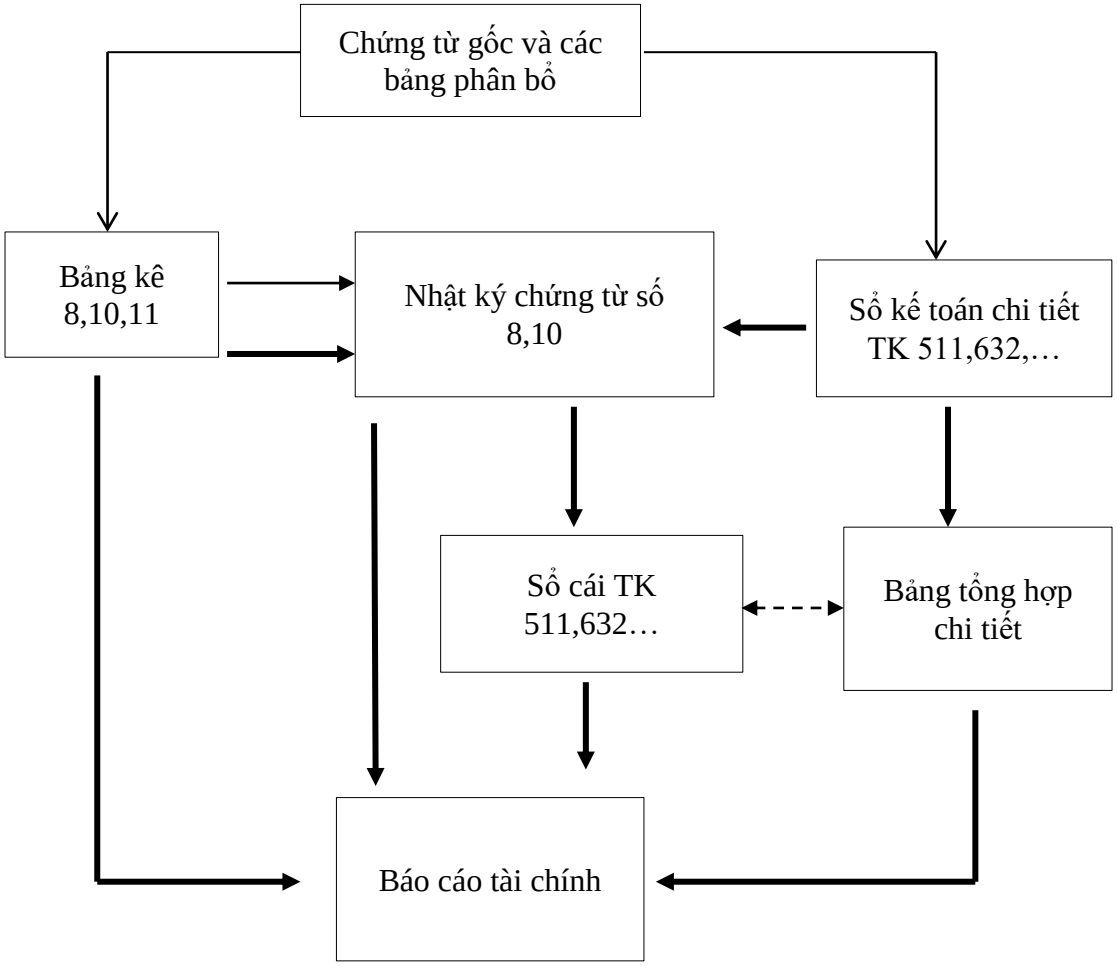

Ghi chú : ⟶ Ghi hàng ngày

⟶ Ghi hàng tuần , hàng tháng hoặc định kỳ

⟷ Đối chiếu

Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ

1.8.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ :

▪ ***Đặc điểm:*** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại, tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

▪ ***Ưu điểm:*** Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

▪ ***Nhược điểm:*** Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

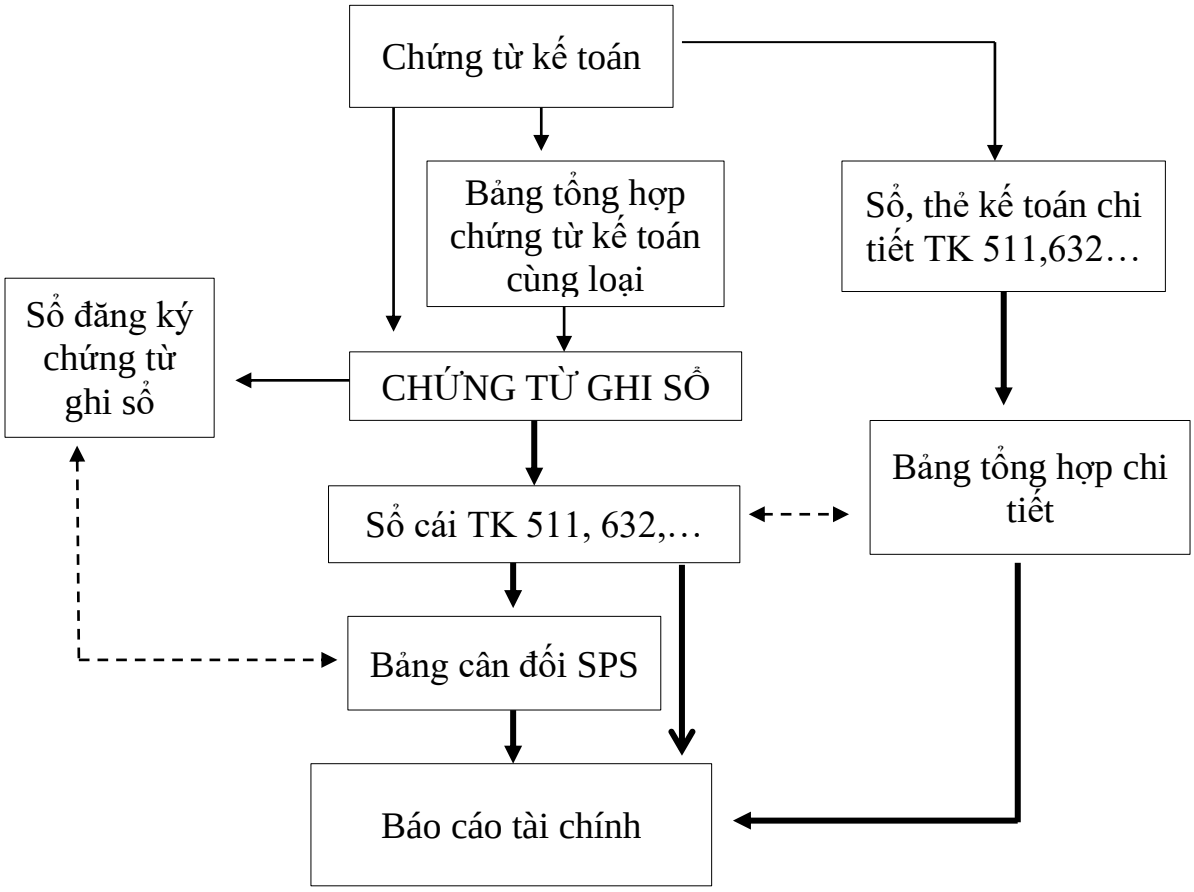

Ghi chú : ⟶ Ghi hàng ngày

⟶ Ghi hàng tuần , hàng tháng hoặc định kỳ

⟷ Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

1.8.5 Hình thức kế toán máy :

Đặc điểm của hình thức này là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết lập theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

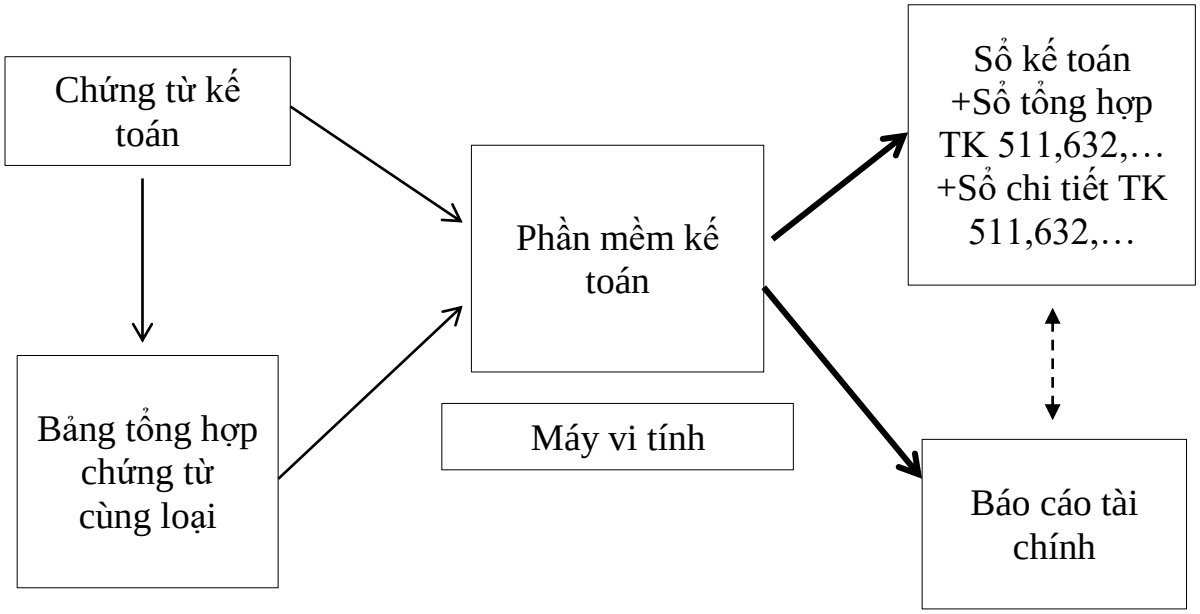

Ghi chú : ⟶ Ghi hàng ngày

⟶ Ghi hàng tuần , hàng tháng hoặc định kỳ

⟷ Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

- Tên tiếng Việt: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
- Tên tiếng Anh: MINHTHINHCo. LTD
- Tên giao dịch: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
- Tên viết tắt: MINHTHINHCo. LTD
- Tel: 036 3477 949
- Mã số thuế: 1000415983
- Địa chỉ trụ sở chính:. Khu công nghiệp Đông Cơ - Huyện Tiền Hải – Tỉnh Thái Bình.
- Vốn đầu tư : 23.000.000.000 (Hai mươi ba tỷ đồng)
- Giám đốc doanh nghiệp : Bùi Văn Nghi

Lĩnh vực kinh doanh : SX các SP từ gốm, sứ và VL chịu lửa; SX các SP từ thạch cao; KD VT hàng hoá đường bộ; KD DV nhà nghỉ, nhà khách; KD DV ăn uống; SX đồ gia dụng bằng nhựa; CB khoáng sản PV SX gốm…

Bảng 2.1 Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Tổng doanh thu thuần	18.584.617.252	21.558.894.434
2. Tổng GVHB	17.931.578.789	20.391.197.119
3. Tổng lợi nhuận gộp	653.038.463	1.167.697.315
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	160.227.385	307.686.970
5. Thuế và các khoản phải nộp	32.045.477	61.537.394
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	128.181.908	246.149.578

2.1.2 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh theo lĩnh vực hoạt động : hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Kỳ hạch toán doanh thu chi phí kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh theo năm.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

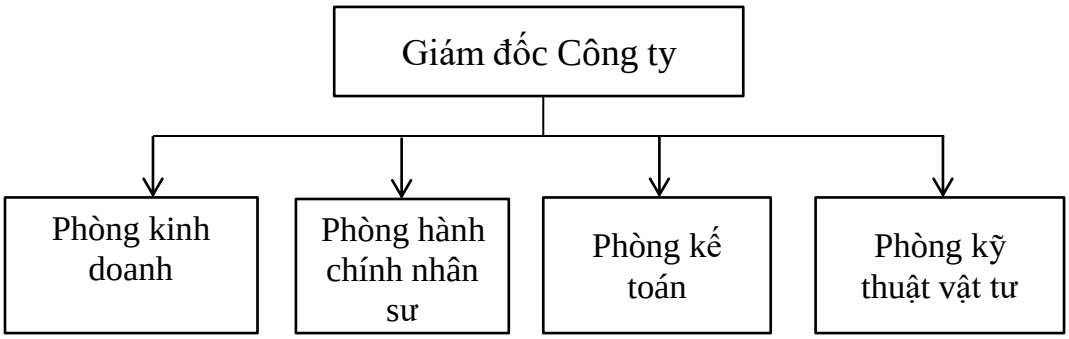

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

❖ **Giám đốc**: là người đại diện về mặt pháp lý của công ty. Do đó, giám đốc có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tổ chức bộ máy quản lý và thay mặt đơn vị ký kết các hợp đồng quan trọng, ký các quyết định, các văn bản pháp lý do các công ty ban hành phục vụ cho mục đích quản lý.
- Là người thay mặt đơn vị thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của công ty đối với Nhà nước và các tổ chức xã hội.
- Là người lãnh đạo cao nhất của đơn vị, có nhiệm vụ quản lý toàn diện và điều hành hoạt động hàng ngày của công ty.

- Là người quyết định cao nhất các vấn đề quan trọng, mang tính chiến lược của công ty như bảo toàn và phát triển nguồn vốn của công ty, quyết định mở rộng thị trường thay đổi các chính sách kinh doanh…

Phòng kinh doanh có chức năng sau :

- Xây dựng kế hoạch chiến lược sản phẩm kế hoạch kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm hàng năm.
- Giao kế hoạch tiêu thụ hàng tháng, hàng quý, hàng năm cho các đơn vị thực hiện, kiểm điểm theo dõi công tác thực hiện kế hoạch của cấc đơn vị đảm bảo thực hiện tiến độ theo như đã dự trù.
- Lập kế hoạch nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ cho kinh doanh, cho quản lý, tổ chức, giám sát, kiểm tra xuất nhập tồn hàng hóa theo kế hoạch kinh doanh đã được duyệt.
- Tổ chức thực hiện và lập kế hoạch về điều tra nghiên cứu thị trường để xây dựng các kế hoạch về giá thành cho từng loại sản phẩm. Tham mưu đề xuất giá bán, các chính sách phù hợp với tình hình tiêu thụ kinh doanh của công ty.
- Xem xét có cần thiết phải thay đổi mẫu mã cho phù hợp với thị hiếu của khách hàng trước khi đem chào bán để lập kế hoạch xây dựng, thiết kế lại bao bì mẫu mã sản phẩm.
- Xây dựng kế hoạch tiếp thi, quảng cáo, chào hàng các chiến lược về chính sách thanh toán, hình thức thanh toán, hình thức bán hàng .
- Điều hành các hoạt động bán hàng mà công ty xây dựng tìm nhà phân phối cũng như các kênh phân phối sản phẩm.
- Đề xuất các chính sách khuyến mại, chính sách giảm giá và chiết khấu cho các mặt hàng của công ty để tạo thuận lợi cho công tác bán hàng.
- Đào tạo, giám sát tác động tới lực lượng bán hàng, đại lý lựa chọn đại lý trong mạng lứơi phân phối.
- Xây dựng các chính sách để phát triển các mối quan hệ với khách hàng ,thu hút các khách hàng mới.
- Điều tra trên thị trường nhu cầu thị hiếu của khách hàng, xem xét sản phẩm của công ty đang phát triển ở giai đoạn nào, các điểm yếu trong bao bì, mẫu mã sản phẩm.
- Quản lý giám sát kiểm tra hoạt động của ban dự án bán lẻ.

Phòng hành chính nhân sự có chức năng sau:

- Quản lý, phân công sắp xếp cán bộ, công nhân theo yêu cầu của các bộ phận liên quan cũng như bố trí các nhân viên vào vị trí phù hợp với trình độ.
- Xây dựng các chính sách, thực hiện tuyển dụng lao động cho phù hợp với yêu cầu của công ty.
- Xây dựng kế hoạch tiền lương, lập kế hoạch quỹ lương, trích quỹ lương theo các quy chế về tiền lương mà đơn vị đã xây dựng, phát triển các chính sách khen thưởng sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh.
- Thực hiện các chính sách đãi ngộ với người lao động theo quy chế của công ty và theo chính sách của Nhà nước đã ban hành.
- Quản lý hồ sơ lý lịch, xác định các yêu cầu về trình độ chuyên môn cho các cán bộ công nhân viên trong công ty.

Phòng kế toán có chức năng sau:

- Thu thập và xử lý thông tin, các số liệu kế toán theo nội dung công việc, theo chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.
- Kiểm tra giám sát các khoản thu chi các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản, phát hiện những bất cập trong luân chuyển chứng từ tại công ty và ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật về tài chính- kế toán.
- Giám sát kiểm tra quá trình lập hóa đơn, chứng từ thanh toán và lưu trữ hóa đơn, chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty theo đings pháp luật kế toán và các chế độ kế toán của Nhà nước.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu và đề xuất những giải pháp phục vụ cho yêu cầu quản trị nội bộ.
- Cung cấp thông tin kế toán theo quy định của pháp luật.
- Định kỳ trình lên phó giám đốctài chính duyệt các bản kế hoạch dự trù cho hoạt động của đơn vị trong năm sau.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý của đơn vị với Nhà nước và các tổ chức xã hội.
- Thực hiện công việc tư vấn pháp lý cho Ban giám đốc như: những thủ tục cần thực hiện khi xuất khẩu hàng hóa..
- Giải đáp các thắc mắc về các quyền và nghĩa vụpháp lý khi cần cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như thuế,…

Phòng kỹ thuật vật tư có chức năng sau:

- Tổ chức tham gia quá trình lựa chọn người cung cấp các vật tư, các yếu tố đầu vào. Không chấp nhận hoặc trả lại hàng kém chất lượng cho người cung ứng hàng hóa.
- Cung cấp NVL kịp thời cho sản xuất, lên kế hoạch xây dựng hàng tồn kho.
- Thực hiện các dịch vụ tư vấn khách hàng về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm cho khách hàng…
- Phát hiện và tiếp nhận các loại hàng kém chất lượng do khách hàng đem trả. Đưa ra những đề xuất giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong chất lượng, mẫu mã, giá cả, phương thức thanh toán thông qua các thông tin khách hàng gọi đến để yêu cầu trả lời và báo cáo với Ban giám đốc

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

- Kỳ kế toán : Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho : Phương pháp mhập trước-xuất trước
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Chế độ kế toán áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC-Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung

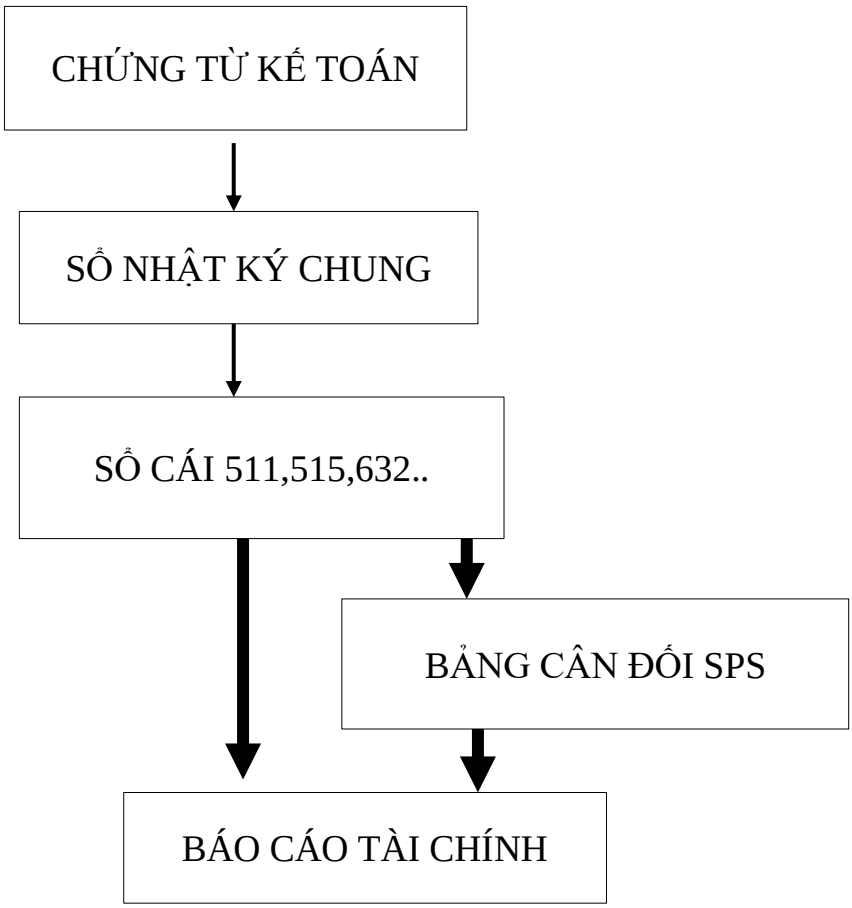

Ghi chú: → Ghi hàng ngày

➡ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng :

+ Hóa đơn GTGT

+ Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng…

+ Các chứng từ khác có liên quan…

- Sổ sách kế toán sử dụng :

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 511

****Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 16/12, bán 100 chiếc lõi két cho công ty TNHH Phú Long theo HĐ số 0000143 đơn giá 40.000 đồng/chiếc (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

**Định khoản*

Nợ TK 111: 4.400.000

Có TK 511 : 4.000.000

Có TK 3331 : 400.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000143 (Biểu số 2.1) và phiếu thu số 12-045 (biểu số 2.2), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0000143

HÓA ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 3: Nội bộ *Ngày 16 tháng 12 năm 2016*	Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/16P Số : 0000143

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Minh Thịnh**
Mã số thuế : 1000415983
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đông Cơ, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
Điện thoại : 0363477949
Số tài khoản : 000008201 tại ngân hàng đầu tư và phát triển – Thái Bình

Họ tên người mua hàng : Bùi Thị Chinh
Tên đơn vị : **Công ty TNHH Phú Long**
Mã số thuế : 5700860698
Địa chỉ : Số 225 Lê Lợi - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh
Hình thức thanh toán : TM Số tài khoản :

STT	**Tên hàng hóa , dịch vụ**	**ĐVT**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**
1	Lõi két	Chiếc	100	40.000	4.000.000

Cộng tiền hàng : 4.000.000
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 400.000
Tổng cộng tiền thanh toán : 4.400.000
Số tiền viết bằng chữ : Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký và đóng dấu)

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.2.Phiếu thu số 12-045

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ –Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số : 01 -TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 16 tháng 12 năm 2016

Số : 12-045

Nợ TK 111 : 4.400.000
Có TK 511 : 4.000.000
Có TK 3331: 400.000

Họ và tên người nộp tiền : Bùi Thị Chinh
Địa chỉ : Số 225 Lê Lợi - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh
Lý do nộp : thanh toán tiền hàng của HĐ 0000143
Số tiền : 4.400.000
Bằng chữ : Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo : chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nộp tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn
Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :
Số tiền quy đổi :

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Ví dụ minh họa 2:

Ngày 21/12 bán 10 bộ bệt vệ sinh BVS05 cho công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ Việt Nam theo hóa đơn GTGT số 0000150 đơn giá 4.000.000 đồng/ bộ (Chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

**Định khoản :*

Nợ TK 112: 44.000.000

Có TK 511 : 40.000.000

Có TK 3331 : 4.000.000

Căn cứ váo hóa đơn số 0000150 (Biểu số 2.3) và Giấy báo có của ngân hàng Đầu tư và phát triển số 0695 (Biểu số 2.4) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu 2.6)

Biểu 2.3 : Hóa đơn GTGT số 0000150

HÓA ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 3: Nội bộ *Ngày 21 tháng 12 năm 2016*	Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/16P Số : 0000150

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Minh Thịnh**
Mã số thuế : 1000415983
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đông Cơ, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
Điện thoại : 0363477949
Số tài khoản : 000008201 tại ngân hàng đầu tư và phát triển – Thái Bình

Họ tên người mua hàng : Đoàn Thị Thảo Trang
Tên đơn vị : **Công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ Việt Nam**
Mã số thuế : 5701737513
Địa chỉ : Số 244 Tầng 2- Phường Trần Khánh Dư- Thị Xã Quảng Yên
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bệt BVS05	Bộ	10	4.000.000	40.000.000

Cộng tiền hàng :	40.000.000
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT :	4.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán :	44.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi bốn triệu đồng.

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký và đóng dấu)

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.4 Giấy báo có của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam

BIDV	**GIẤY BÁO CÓ** Ngày 21/12/2016	Mã GDV: BTTA Mã KH : 28519 Số GD : 05682

Ngân hàng Đầu tư và phát triển

Chi nhánh : BIDV- Thái Bình

Kính gửi : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH**

Mã số thuế : 1000415983

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi Có : 000008201

Số tiền bằng số : 44.000.000

Số tiền bằng chữ : Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn.

Nội dung : Công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ thanh toán HĐ 0000150.

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Ví dụ minh họa 3:

Ngày 23/12 doanh nghiệp bán 100 sản phẩm bệt BVS02 cho công ty TNHH Xuân Sinh theo hóa đơn GTGT số 0000154 đơn giá 5.000.000 đồng/ bộ (chưa thuế VAT 10%) , khách hàng chưa thanh toán.

**Định khoản* :

Nợ TK 131: 550.000.000

Có TK 511: 500.000.000

Có TK 3331 : 50.000.000

Căn cứ hóa đơn số 0000154 (Biểu số 2.5) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.5 : Hóa đơn GTGT số HD0000154

HÓA ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 3: Nội bộ *Ngày 23 tháng 12 năm 2016*	Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/16P Số : 0000154

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Minh Thịnh
Mã số thuế : 1000415983
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đông Cơ, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
Điện thoại : 0363477949
Số tài khoản : 000008201 tại ngân hàng đầu tư và phát triển – Thái Bình

Họ tên người mua hàng : Nguyễn Thị Hoa
Tên đơn vị : Công ty TNHH Xuân Sinh
Mã số thuế : 1000509219
Địa chỉ : Số 13- Đường 14-10, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
Hình thức thanh toán : Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bệt BVS02	Bộ	100	5.000.000	500.000.000

Cộng tiền hàng : 500.000.000
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 50.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán : 550.000.000
Số tiền viết bằng chữ : Năm trăm năm mươi triệu đồng.

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký và đóng dấu)

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.6 Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…
16/12	HĐ 143 PT12-045	16/12	Bán lõi két cho công ty TNHH Phú Long	111	4.400.000	
				511		4.000.000
				3331		400.000
…	…	…	…	…	…	…
21/12	HĐ 150 GBC 5682	21/12	Bán BVS05 cho công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ VN	112	44.000.000	
				511		40.000.000
				3331		4.000.000
…	…	…	…	…	…	…
23/12	HĐ 154	23/12	Bán BVS02 cho công ty TNHH Xuân Sinh	131	550.000.000	
				511		500.000.000
				3331		50.000.000
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**67.489.111.152**	**67.489.111.152**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.7)

Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 511

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
16/12	PT12-045	16/12	Bán lõi két cho công ty TNHH Phú Long	111		4.000.000
…	…	…	…	…	…	…
21/12	GBC 5682	21/12	Bán BVS05 cho công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ VN	112		40.000.000
…	…	…	…	…	…	…
23/12	HĐ-154	23/12	Bán BVS02 cho công ty TNHH Xuân Sinh	131		500.000.000
…	…	…	…	…	…	…
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	21.558.894.434	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**21.558.894.434**	**21.558.894.434**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán

**Chứng từ và sổ kế toán sử dụng :*

- Chứng từ sử dụng :

+ Phiếu xuất kho

+ Các chứng từ khác có liên quan…

- Sổ kế toán sử dụng :

+Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 632

**Phương pháp hạch toán*

****Ví dụ 1***:

Ngày 16/12, bán 100 chiếc lõi két cho công ty TNHH Phú Long theo HĐ số 0000143

Dựa vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Biểu số2.8), kế toán tiến hành xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 12-010 (biểu số 2.9)

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước – xuất trước):

Kế toán lấy số lượng 100*15.000 (Đơn giá tồn đầu kì) = 1.500.000

Căn cứ vào PXK số 12-010, kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 1.500.000

Có TK 156 : 1.500.000

Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.14

Biểu số 2.8 Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa)

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S10-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (Sản phẩm hàng hóa) : Lõi két

Đơn vị tính : Chiếc

Chứng từ		**Diễn giải**	**TKĐƯ**	**Đơn giá**	**Nhập**		**Xuất**		**Tồn**	
SH	**NT**				**SL**	**Thành tiền**	**SL**	**Thành tiền**	**SL**	**Thành tiền**
		Số dư đầu kỳ		15.000					**1.000**	**15.000.000**
PXK12-010	16/12	Xuất hàng theo HD143	632	15.000			100	1.500.000	900	14.850.000
		…	…	…	…	…	…	…	…	…
		Cộng tháng					890	13.350.000		
		Số dư cuối kỳ							**110**	**1.650.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ ***Kế toán trưởng*** ***Giám đốc***

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.9 Phiếu xuất kho số 12-010

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2016

Số 12-010

Nợ TK 632:

Có TK 156 :

Họ và tên người nhận hàng : Bùi Thị Chinh

Địa chỉ **: Công ty TNHH Phú Long**

Lý do xuất kho : Xuất hàng bán cho khách

Xuất kho (ngăn lô) :

STT	**Tên sản phẩm**	**Mã số**	**ĐVT**	**Số lượng**		**Đơn giá**	**Thành tiền**
				Yêu cầu	**Thực xuất**		
1	Lõi két		Chiếc	100	100	15.000	1.500.000
	Cộng						1.500.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Ngày 16 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

*****Ví dụ minh họa 2*** :

Ngày 21/12 bán 10 bộ bệt vệ sinh BVS05 cho công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ theo hóa đơn GTGT số 0000150

Dựa vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Biểu số2.10), kế toán tiến hành xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 12-023 (biểu số 2.11)

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước – xuất trước):

Kế toán lấy số lượng 10*2.000.000 (Đơn giá tồn đầu kì) = 2.000.000

Căn cứ vào PXK số 12-023, kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 2.000.000

Có TK 156 : 2.000.000

Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.14

Biểu số 2.10. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa)

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S10-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (Sản phẩm hàng hóa) : Bệt vệ sinh BVS05

Đơn vị tính : Bộ

Chứng từ		**Diễn giải**	**TK ĐƯ**	**Đơn giá**	**Nhập**		**Xuất**		**Tồn**	
SH	**NT**				**SL**	**Thành tiền**	**SL**	**Thành tiền**	**SL**	**Thành tiền**
		Số dư đầu kỳ		2.000.000					**400**	**800.000.000**
PXK12-023	21/12	Xuất hàng theo HD150	632	2.000.000			10	20.000.000	390	780.000.000
		…	…	…	…	…	…	…	…	…
		Cộng tháng					300	600.000.000		
		Số dư cuối kỳ							**100**	**200.000.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ ***Kế toán trưởng*** ***Giám đốc***

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.11 Phiếu xuất kho số 12-023

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 12 năm 2016

Số 12-023

Nợ TK 632:

Có TK 156 :

Họ và tên người nhận hàng : Đoàn Thị Thảo Trang

Địa chỉ : **Công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ Việt Nam**

Lý do xuất kho : Xuất hàng bán cho khách

Xuất kho (ngăn lô) :

STT	**Tên sản phẩm**	**Mã số**	**ĐVT**	**Số lượng**		**Đơn giá**	**Thành tiền**
				Yêu cầu	**Thực xuất**		
1	Bệt vệ sinh 05		Bộ	10	10	2.000.000	20.000.000
	Cộng						20.000.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Hai mươi triệu đồng chẵn

Ngày 21 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

- ***Ví dụ 3***:

Ngày 23/12 bán 100 bộ bệt vệ sinh BVS02 cho Công ty TNHH Xuân Sinh theo hóa đơn GTGT số 0000154.

Dựa vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Biểu số2.12), kế toán tiến hành xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 12-027 (biểu số 2.13)

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước – xuất trước):

Kế toán lấy số lượng 100*4.000.000 (Đơn giá tồn đầu kì) = 400.000.000

Căn cứ vào PXK số 12-027, kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 400.000.000

Có TK 156 : 400.000.000

Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.14

Biểu số 2.12. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa)

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (Sản phẩm hàng hóa) : Bệt vệ sinh BVS02

Đơn vị tính : Bộ

Chứng từ		**Diễn giải**	**TK ĐƯ**	**Đơn giá**	**Nhập**		**Xuất**		**Tồn**	
SH	**NT**				**SL**	**Thành tiền**	**SL**	**Thành tiền**	**SL**	**Thành tiền**
		Số dư đầu kỳ		4.000.000					**200**	**800.000.000**
PXK12-027	23/12	Xuất hàng theo HD154	632	2.000.000			100	400.000.000	100	400.000.000
		…	…	…	…	…	…	…	…	…
		Cộng tháng					150	600.000.000		
		Số dư cuối kỳ							**50**	**200.000.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ ***Kế toán trưởng*** ***Giám đốc***

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.13 Phiếu xuất kho số 12-027

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 23 tháng 12 năm 2016

Số 12-027

Nợ TK 632:

Có TK 156 :

Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ : **Công ty TNHH Xuân Sinh**

Lý do xuất kho : Xuất hàng bán cho khách

Xuất kho (ngăn lô) :

STT	Tên sản phẩm	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Bệt vệ sinh 02		Bộ	100	100	4.000.000	400.000.000
	Cộng						400.000.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Bốn trăm triệu đồng chẵn

Ngày 23 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu 2.14 Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…
16/12	PXK12-010	16/12	Bán lõi két cho công ty TNHH Phú Long	632	1.500.000	
				156		1.500.000
…	…	…	…	…	…	…
21/12	PXK12-023	21/12	Bán BVS05 cho công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ VN	632	20.000.000	
				156		20.000.000
…	…	…	…	…	…	…
23/12	PXK12-027	23/12	Bán BVS02 cho công ty TNHH Xuân Sinh	632	400.000.000	
				156		400.000.000
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**67.489.111.152**	**67.489.111.152**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 632 (biểu số 2.15)

Biểu 2.15. Trích sổ cái TK 632

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2016
Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán
Số hiệu :632

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
16/12	PXK12-010	16/12	Bán lõi két cho công ty TNHH Phú Long	156	1.500.000	
…	…	…	…	…	…	…
21/12	PXK12-023	21/12	Bán BVS05 cho công ty TNHH SX&TM Sứ Á Mỹ VN	156	20.000.000	
…	…	…	…	…	…	…
23/12	PXK12-027	23/12	Bán BVS02 cho công ty TNHH Xuân Sinh	156	400.000.000	
…	…	…	…	…	…	…
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		20.391.197.119
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**20.391.197.119**	**20.391.197.119**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

**Chứng từ sử dụng*

-Hóa đơn GTGT

-Phiếu chi

-Giấy báo nợ

-Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao

-Các chứng từ khác có liên quan…

**Sổ kế toán sử dụng :*

-Sổ nhật ký chung

-Sổ cái TK 641 : Chi phí bán hàng

-Sổ cái TK 642 : Chi phí quản lý Doanh nghiệp

****Ví dụ 1*** :

Ngày 3/12 : Công ty thanh toán tiền thuê xe Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Đình Lê phục vụ vận chuyển hàng đi bán

- Định khoản

Nợ TK 641 : 2.000.000

Nợ TK 133 : 200.000

Có TK 111 : 2.200.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000728 (Biểu số 2.16), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 12-40 (Biểu số 2.17) sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.16. Hóa đơn GTGT số HD728

HÓA ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 2 : Giao khách hàng *Ngày 3 tháng 12 năm 2016*	Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/16P Số : 0000728

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Đình Lê**
Mã số thuế : 1000509345
Địa chỉ: Xã Tây Giang, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
Điện thoại : 0363477949
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng
Tên đơn vị : **Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh**
Mã số thuế : 1000415983
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Đông Cơ, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa , dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận tải, bốc dỡ				2.000.000

Cộng tiền hàng : 2.000.000
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 200.000
Tổng cộng tiền thanh toán : 2.200.000
Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu hai trăm nghìn đồng.

Người mua hàng	*Người bán hàng*	*Thủ trưởng đơn vị*
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký và đóng dấu)*

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.17. Phiếu chi số 12-45

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : KCN Đông Cơ –Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số : 02 -TT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 3 tháng 12 năm 2016

Số : 12-045

Nợ TK 641 : 2.000.000

Nợ TK 133 : 200.000

Có TK 111 : 2.200.000

Họ và tên người nhận tiền : Bùi Anh Đức

Địa chỉ : Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Đình Lê

Lý do chi : Chi tiền thuê xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng.

Số tiền : 2.200.000

Bằng chữ : Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo : chứng từ gốc

Ngày 3 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	***Kế toán trưởng***	***Người nhận tiền***	***Người lập phiếu***	***Thủ quỹ***
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Ví dụ 2 : Ngày 7/12 Chi tiền mua nước khoáng Vital 0.5l tại công ty TNHH Nước khoáng Vital theo hóa đơn GTGT số 0001831, đã thanh tóan bằng tiền mặt

- Định khoản

Nợ TK 642:700.000

Nợ TK 133 : 70.000

Có TK 111: 770.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001831 (Biểu số 2.18), kế toán lập phiếu chi số 12-50 (biểu số 2.19) sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.18. Hóa đơn GTGT số 0001831

HÓA ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 2 : Giao khách hàng *Ngày 7 tháng 12 năm 2016*	Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/16P Số : 0001831

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Nước khoáng Vital**
Mã số thuế : 1000509345
Địa chỉ: KCN Tiền Hải, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
Điện thoại : 0363477949
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng
Tên đơn vị : **Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh**
Mã số thuế : 1000415983
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Đông Cơ, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
Hình thức thanh toán : TM Số tài khoản :

STT	**Tên hàng hóa , dịch vụ**	**ĐVT**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**
1	Nước Vital 0.5l	Thùng	10	70.000	700.000

Cộng tiền hàng : 700.000
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 70.000
Tổng cộng tiền thanh toán : 770.000
Số tiền viết bằng chữ : Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng.

Người mua hàng	***Người bán hàng***	***Thủ trưởng đơn vị***
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký và đóng dấu)*

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu 2.19. Phiếu chi số 12-50

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh	Mẫu số : 02 -TT
Địa chỉ : KCN Đông Cơ –Tiền Hải- Thái Bình	(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 7 tháng 12 năm 2016

Số : 12-050

Nợ TK 642 : 700.000

Nợ TK 133 : 70.000

Có TK 111 : 770.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thùy Linh

Địa chỉ : Công ty TNHH Nước khoáng Vital

Lý do chi : Chi tiền mua nước uống Vital 0.5l.

Số tiền : 770.000

Bằng chữ : Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo : chứng từ gốc

Ngày 7 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nhận tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

Số tiền quy đổi :

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Ví dụ 3: Ngày 31/12 Công ty tính lương phải trả tháng 12 cho cán bộ công nhân viên, từ đo lập bảng phân bổ tiền lương và trích theo lương (Biểu số 2.20) sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu 2.20. Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh — Mẫu số : 11 -LĐTL

Địa chỉ : KCN Đông Cơ –Tiền Hải- Thái Bình — (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2016

ĐVT : VND

TK ghi có / TK ghi nợ	Ghi có 334	Lương tính BHXH	Ghi có TK 338									
			Người sử dụng LĐ chịu					Người LĐ chịu				Cộng có TK 338
			BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	
			18%	3%	1%	2%		8%	1.5%	1%		
TK 622	25.000.000	22.470.000	4.004.600	674.100	224.700	449.400	5.352.800					5.352.800
TK 641	30.000.000	26.215.000	4.718.700	786.450	262.150	524.300	6.291.600					6.291.600
TK 642	41.000.000	33.705.000	6.066.900	1.011.150	337.050	674.100	8.089.200					8.089.200
TK 334								6.591.200	1.235.850	823.900	8.650.950	8.650.950
Cộng	**96.000.000**	**82.390.000**	**14.790.200**	**2.471.700**	**823.900**	**1.647.800**	**19.733.600**	**6.591.200**	**1.235.850**	**823.900**	**8.650.950**	**28.384.550**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu 2.21. Bảng tính và phân bổ khấu hao

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ –Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số : 06 –TSCĐ
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO

Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK 627	TK641	TK642
			Nguyên giá	Số khấu hao			
1	Số khấu hao trích tháng trước		645.454.545	5.378.788	1.075.758	1.613.636	2.689.394
2	Số khấu hao tăng tháng này			-	-	-	-
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này		645.454.545	5.378.788	1.075.758	1.613.636	2.689.394

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu 2.22. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…
3/12	PC12-45 HĐ738	3/12	Chi tiền thuê xe, bốc dỡ	641	2.000.000	
				133	200.000	
				111		2.200.000
…	…	…	…	…	…	…
7/12	PC12-50 HĐ1831	7/12	Chi tiền mua nước Vital	642	700.000	
				133	70.000	
				111		770.000
…	…	…	…	…	…	…
31/12	BPBLT12	31/12	Lương tháng 12 phải trả	622	25.000.000	
				641	30.000.000	
				642	41.000.000	
				334		96.000.000
			Trích các khoản trích theo lương	622	5.352.800	
				641	6.291.600	
				642	8.089.200	
				334	8.650.950	
				338		28.384.550
…	…	…	…	…	…	…
31/12	BKHT12	31/12	Tính khấu hao T12	627	1.075.758	
				641	1.613.636	
				642	2.689.394	
				214		5.378.788
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**67.489.111.152**	**67.489.111.152**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK641 (biểu số 2.23) và sổ cái TK 642 (Biểu số 2.24)

Biểu số 2.23 Trích sổ cái TK 641

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Chi phí bán hàng

Số hiệu : 641

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
3/12	PC12-45	3/12	Chi tiền thuê xe	111	2.000.000	
…	…	…	…	…	…	…
31/12	BPBLT12	31/12	Tính lương tháng 12	334	30.000.000	
			Tríchcác khoản theo lương	338	6.291.600	
31/12	BKHT12	31/12	Tính KH T12	214	1.613.636	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		379.511.309
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**379.511.309**	**379.511.309**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu 2.24 Trích sổ cái TK 642

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
7/12	PC12-50	7/12	Chi tiền mua nước uống Vital 0.5l	111	700.000	
…	…	…	…	…	…	…
31/12	BPBLT12	31/12	Tính lương tháng 12	334	41.000.000	
			Tríchcác khoản theo lương	338	8.089.200	
31/12	BKHT12	31/12	Tính KH T12	214	2.689.394	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		489.527.486
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**489.527.486**	**489.527.486**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

**Chứng từ và sổ kế toán sử dụng*

- Chứng từ sử dụng

+Giấy báo có

+ Các chứng từ khác liên quan…

-Sổ kế toán sử dụng :

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

****Ví dụ 1***

Ngày 31/12 nhận được lãi tiền gửi Ngân hàng , số tiền 3.374.925 đồng bằng chuyển khoản.

Định khoản :

Nợ TK 112 : 3.374.925

Có TK 515: 3.374.925

Căn cứ vào giấy báo có số 06726 (Biểu số 2.25) , kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung biểu số 2.26

Biểu số 2.25 : Giấy báo Có của ngân hàng BIDV

BIDV	**GIẤY BÁO CÓ** Ngày 31/12/2016	Mã GDV: BTTA Mã KH : 28519 Số GD : 06726

Ngân hàng Đầu tư và phát triển

Chi nhánh : BIDV- Thái Bình

Kính gửi : **CÔNG TY TNHH SẢN XUÁT VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH**

Mã số thuế : 1000415983

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi Có : 000008201

Số tiền bằng số : 3.374.925

Số tiền bằng chữ : Ba triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng.

Nội dung : Lãi tiền gửi.

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.26 Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình			Mẫu số: S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG Tháng 12 năm 2016 Đơn vị tính : VND						
NTGS	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**SHTKĐƯ**	**Số phát sinh**	
	SH	**NT**			**Nợ**	**Có**
…	…	…	…	…	…	…
31/12	BC6726	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112	3.374.925	
				515	3.374.925	
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**67.489.111.152**	**67.489.111.152**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (Biểu số 2.27)

Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 515

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính : VND

NT GS	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**SH TKĐƯ**	**Số phát sinh**	
	SH	NT			**Nợ**	**Có**
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
31/12	BC06726	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112		3.374.925
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển doanh thu , thu nhập	911	9.028.452	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**9.028.452**	**9.028.452**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

2.2.3 Kế toán doanh thu và chi phí khác của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Trong năm 2016 công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 711, 811.

2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

- Chứng từ sử dụng:
- Phiếu kế toán
- Sổ kế toán sử dụng :
- Sổ cái TK 911 : Kết quả kinh doanh
- Sổ cái TK 821: Chi phí thuế TNDN
- Sổ cái TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
- Ví dụ :

Ngày 31/12 : Các bút toán kết chuyển cuối năm 2016, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 511, 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 32 (Biểu số 2.28) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu số 2.28 : Phiếu kế toán số 32

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đông Cơ- Huyện Tiền Hải- Tỉnh Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN
Số : 32
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Nội dung	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	21.558.894.434
2	Kết chuyển doanh thu hoạt dộng tài chính	515	911	9.028.452
	Cộng			**21.567.922.886**

Người lập (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng (Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, TK 641, TK 642 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 33 (Biểu số 2.29) để kết chuyển chi phí

Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán số 33

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : Khu công nghiệp Đông Cơ- Huyện Tiền Hải- Tỉnh Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Nội dung	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	20.391.197.119
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	379.511.309
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	489.527.486
	Cộng			**21.260.235.914**

Người lập (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng (Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 32 và phiếu kế toán số 33 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 511 (Biểu số 2.7) sổ cái TK 515 (Biểu số 2.27), sổ cái TK 632 (Biểu số 2.15), sổ cái TK 641 (Biểu số 2.23), sổ cái TK 642 (Biểu số 2.24), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 34 (Biểu số 2.30) phản ánh thuế TNDN phải nộp

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 34

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đông Cơ- Huyện Tiền Hải- Tỉnh Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN
Số : 34
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Nội dung	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	821	3334	61.537.394
	Cộng			**61.537.394**

Người lập	Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 34 kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 821 (Biểu số 2.35)

Căn cứ vào sổ cái TK 821 kế toán lập Phiếu kế toán số 35 (Biểu số 2.31) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2016

Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 35

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đông Cơ- Huyện Tiền Hải- Tỉnh Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN
Số : 35
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Nội dung	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	61.537.394
	Cộng			**61.537.394**

Người lập (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng (Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 35, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 821(Biểu số 2.35), TK 911(biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 36 (biểu số 2.32) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Biểu số 2.32: Phiếu kế toán số 36

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đông Cơ- Huyện Tiền Hải- Tỉnh Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN
Số : 36
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Nội dung	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2016	911	421	246.149.578
	Cộng			**246.149.578**

Người lập (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng (Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Căn cứ vào phiếu kế toán số 36, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.33)
Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 911(biểu số 2.34). sổ cái TK 421 (Biểu số 2.36)
Căn cứ vào các sỏ cái, kế toán lập Bảng cân dối tài khoản (Biểu số 2,37) và bảng Báo cái kết quả kinh doanh năm 2016 (Biểu số 2.38)

Biểu số 2.33: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	21.558.894.434	
				515	9.028.452	
				911		21.567.922.886
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	21.260.235.914	
				632		20.391.197.119
				641		379.511.309
…				642		489.527.486
31/12	PKT34	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	61.537.394	
				3334		61.537.394
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	61.537.394	
				821		61.537.394
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	246.149.577	
				421		246.149.578
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**67.489.111.152**	**67.489.111.152**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.34. Trích sổ cái TK 911

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		21.558.894.434
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		9.028.452
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	20.391.197.119	
			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	379.511.309	
			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	489.527.486	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	61.537.394	
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	246.149.578	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**21.567.922.886**	**21.567.922.886**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK 821

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Thuế TNDN

Số hiệu : 821

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT34	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	61.537.394	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		61.537.394
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**61.537.394**	**61.537.394**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.36 :Trích sổ cái TK 421

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			**211.005.127**
			Số phát sinh			
31/12	PKT36	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2016	911		246.149.578
			Cộng lũy kế từ đầu năm			**457.154.705**
			Số dư cuối năm			**457.154.705**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

Biểu số 2.37 : Trích bảng cân đối số phát sinh

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh — Mẫu số: S06-DN

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình — (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2016

SHTK	**Tên TK**	**Số dư đầu kỳ**		**Số phát sinh trong kỳ**		**Số dư cuối kỳ**	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
…			…				…
421	Lợi nhuận chưa phân phối		**211.005.127**		246.149.578		**457.154.707**
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			21.558.894.434	21.558.894.434		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			9.028.452	9.028.452		
632	Giá vốn hàng bán			20.391.197.119	20.391.197.119		
641	Chi phí bán hàng			379.511.309	379.511.309		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			489.527.486	489.527.486		
821	Chi phí thuế TNDN			61.537.394	61.537.394		
911	Xác định kết quả kinh doanh			21.567.922.886	21.567.922.886		
	Tổng	**4.695.497.245**	**4.695.497.245**	**67.489.111.152**	**67.489.111.152**	**5.214.347.210**	**5.214.347.210**

Biểu số 2.38. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh — Mẫu số: B02-DN

Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình — (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01		21.558.894.434	19.218.191.295
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**21.558.894.434**	**19.218.191.295**
4	Giá vốn hàng bán	11		20.391.197.119	18.327.205.047
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**1.167.697.315**	**900.986.248**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.028.452	7.028.452
7	Chi phí tài chính	22		0	35.214.937
	-Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	35.214.937
8	Chi phí bán hàng	24		379.511.309	380.004.195
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		489.527.486	491.783.515
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+24+25))**	**30**		**307.686.972**	**1.512.053**
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**0**	**0**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**307.686.972**	**1.512.053**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		61.537.394	302.410
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)**	**60**		**246.149.578**	**1.209.643**
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

3.1.1 Ưu điểm

- Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ công nhận viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực luôn quan tâm đến cán bộ công nhân viên trong công ty.

+ Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng, nhanh chóng hơn.

- Về công tác kế toán

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp chặt chẽ với nhau.

+ Các kế toán thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của công ty.

- Về hệ thống chứng từ :

+ Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung , đây là hình thức kế toán đơn giản phổ biến cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty đồng thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn diễn ra một cách dễ dàng.

- Về tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh :

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày , phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận kịp thời nhằm tránh tình trạng chi khống , lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã đáp ứng được phần nào việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty , giúp ban lãnh đạo đưa ra quyết định đúng đắn nhất.

3.1.2 Hạn chế

- Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu- chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán : Ứng dụng của những thành tựu khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh , mặc dù đã dung máy vi tính để lưu trữ số liệu nhưng vẫn chỉ là phần mềm thông thường : Word, Excel,.. mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, GAMA, Fast Accouting,..

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. Áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng , kế toán là một công cụ hiệu quả trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh chưa thực sự hoàn thiện vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả và tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình.

Cung cấp số liệu thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực , khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc về hệ thống chứng từ tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh , doanh nghiệp cần tìm ra các biện pháp khắc phục những hạn chế thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4 Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

3.4.1 Kiến nghị 1 : Mở sổ chi tiết doanh thu , chi phí

- Lý do kiến nghị : Công tác kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh chưa mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng

- Mục tiêu của giải pháp : Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết đến từng mặt hàng và theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng.

Cách thức tiến hành giải pháp : Công ty thực hiện mở sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S35-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): …

Tháng… năm….

Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TKĐƯ**	**Doanh thu**			**Các khoản tính trừ**	
	Số hiệu	**Ngày tháng**			**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Thuế**	**Khác(521)**
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên , đóng dấu)

Biểu số 3.2 : Số chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S36-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dành cho các TK 641, 642, 632,…)

Tài khoản : ……

Tên sản phẩm dịch vụ :

Ngày, tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TKĐƯ**	**Ghi nợ tài khoản**								
	Số hiệu	**Ngày tháng**			**Tổng số tiền**	**Chia ra**							
A	**B**	**C**	**D**	**E**									
			Số dư đầu kì										
			Số phát sinh trong kỳ										
			Cộng số phát sinh trong kỳ										
			Ghi có TK…										
			Số dư cuối kì										

- Lấy ví dụ 1 ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000143 ngày 16/12 xuất bán 100 chiếc lõi két cho công ty TNHH Phú Long , kế toán ghi sổ chi tiết TK 511 (Biểu số 3.3) Căn cú vào PXK 12-010 kế toán ghi sổ chi tiết TK 632 (Biếu số 3.4)

Biểu số 3.3 Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S35-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản : 511

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Lõi két

Tháng 12 năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TKĐƯ**	**Doanh thu**			**Các khoản tính trừ**	
	Số hiệu	**Ngày tháng**			**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Thuế**	**Khác(521)**
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**1**	**2**	**3 = 1*2**	**4**	**5**
			…						
16/12	HĐ143	Bán lõi két		131	100	40.000	4.000.000		
			…						
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên , đóng dấu)

Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh
Địa chỉ : KCN Đông Cơ- Tiền Hải- Thái Bình

Mẫu số: S36-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dành cho các TK 641, 642, 632,…)

Tài khoản : 632

Tên sản phẩm dịch vụ : Lõi két

Ngày, tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TKĐƯ**	**Ghi nợ tài khoản**		
	Số hiệu	**Ngày tháng**			**Tổng số tiền**	**Chia ra**	
						Giá mua	**Chi phí thu mua phân bổ**
A	**B**	**C**	**D**	**E**			
			…				
16/12	PXK 12-010	16/12	Xuất hàng theo HĐ 143	156	1.500.000	1.500.000	
			...				
			Cộng số phát sinh trong kỳ				
			Ghi có TK 632				
			Số dư cuối kì				

- Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp : Nếu Công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu , giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng giúp cho công ty thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó, công ty sẽ đưa ra những quyết định xem nên mở rộng , thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào của Công ty.

3.4.2 Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin kế toán máy theo hình thức nhật ký chung

- Lý do kiến nghị : Hiện tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh vẫn đang sử dụng Worrd và Excel trong công tác kế toán song nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu của việc tìm kiếm quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc phòng kế toán.

- Mục tiêu giải pháp : Tiết kiệm thời gian giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán tạo điều kiện cho việc thu thập , xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời.

- Cách thức tiến hành giải pháp : Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả hiện đang có mặt trên thị trường như : MISA, Vacom, Fast…

➢ Phần mềm kế toán Misa: Là giải pháp linh hoạt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp sau:

Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phếp cập nhật dữ liệu nhiều hóa đơn một phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

Về điểm nổi trội của Misa là chức năng lưu và ghi sổ dữ liệu khá quan trọng, và công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL và tính chính xác trong việc xử lý số liệu tính toán cũng rất chính xác.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán MISA.MSE.2016

➢ Phần mềm kế toán Fast: Là giải pháp cho lợi hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng sản xuất thì nên dùng phần mềm fast.

Và chắc chắn fast cũng sẽ có nhiều ưu điểm như: Giao diện cũng rất dễ làm việc, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, và xử lý số liệu một cách nhanh chóng, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Dưới đây là giao diện phấn mềm kế toán Fast Accounting

➢ Phần mềm kế toán LinkQ: Là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập

trình tiên tiến C#.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server thích hợp trên Font chuẩn Unicode.

- Mô hình dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ tổng công ty – Công ty thành viên – Chi nhánh.

- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: Cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để dễ theo dõi.

- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.

- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng một thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.

- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và các ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.

- Kết xuất dữ liệu ra bộ Office dễ dàng, kết xuất trực tiếp ra HTTK, iHTKK, TaxOnline.

- Thích hợp trên hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win7.

- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con,...)

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán LinkQ

* Với quy mô của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh như hiện nay thì nên sử dụng Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 – đây là phần mềm kế toán mới được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần mềm kế toán cũ.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

- Cập nhật chế độ tài chính mới nhất.

- Đáp ứng 4 phương pháp tính giá thành cho doanh nghiệp sản xuất: Giản đơn, Hệ số, Tỷ lệ, Phân bước liên tục.

- Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN.

- Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.

- Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.

- Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.

- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập liệu nhanh gấp 3 lần.

3.4.3 Kiến nghị 3 : Trích các khoản theo lương cho người lao động căn cứ trích dựa theo lương đã ký trên hợp đồng.

- Lý do kiến nghị : Công ty áp dụng cách thức trích các khoản theo lương dựa trên mức lương tối thiểu vùng cho tất cả cán bộ nhân viên. Tuy nhiên đây là cách làm chưa hợp lý. Bởi đa số nhân viên của công ty ngoài mức lương cơ bản theo hợp đồng còn được hưởng lương theo doanh thu sản phẩm, cấp bậc, chức vụ khác nhau.

Nếu áp dụng hình thức trích lương cũ sẽ dẫn đến vấn đề: Cán bộ công nhân viên có mức lương được hưởng cao hơn so với lương tối thiểu vùng, trích bảo hiểm dựa vào lương tối thiểu vùng sẽ ảnh hưởng đến tiền lương hưu trí, phúc lợi xã hội của họ, dù thu nhập cao nhưng phúc lợi được hưởng về sau lại thấp.

- Mục tiêu của giải pháp : Thực hiện đúng quy định của Nhà nước cũng như đem lại quyền lợi bảo hiểm cho người lao động.

- Cách thức tiến hành : Trích các khoản theo lương cho người lao động theo quy định mới ban hành của pháp luật lao động như sau:

- Từ 01/01/2016, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương và phụ cấp lương.

- Từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

- Hiệu quả của giải pháp : Khi Công ty đóng bảo hiểm cho người lao động theo khoản lương kí trên hợp đồng , mặc dù doanh nghiệp sẽ chịu thêm một khoản chi phí và thu nhập của người lao động sẽ giảm đi nhưng sẽ tăng lợi ích

cho người lao động khi về hưu (lương hưu), góp phần mang lại giá trị an sinh lâu bền cho xã hội.

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh

3.5.1 Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán .

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao.

3.5.2 Về doanh nghiệp

- Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán . Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm , có đạo đức nghề nghiệp.

- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán

- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý , đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ , hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu đối chiếu kiểm tra.

- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu của doanh nghiệp .

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí vô cùng quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường vào thực tiễn sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh.

Bài viết đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh như:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí kết quả kinh doanh
- Kiến nghị áp dụng về phần mềm kế toán.
- Kiến nghị trích các khoản theo lương cho người lao động căn cứ trích dựa theo lương đã ký trên hợp đồng.

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự hướng dẫn tận tình của Ths. Nguyễn Đức Kiên và của ban lãnh đạo các phòng ban trong Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót . Vì vậy em rất mong nhận được sự đóng góp và giúp đỡ của các quý thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài Chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.